

Số: 552 /QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 03 tháng 8 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình và đề cương chi tiết sau điều chỉnh, rà soát chương trình đào tạo

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Căn cứ Quy chế Đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành theo Thông tư 10/2009/TT-BGDĐT

Căn cứ quyết định số 4386/2011/QĐ-BGDĐT ngày 23/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Y tế công cộng cho Trường Đại học Y Hải Phòng.

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng Khoa Y tế công cộng

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo và đề cương chi tiết trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Y tế công cộng, sau khi có rà soát, điều chỉnh chương trình

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng Khoa Y tế công cộng, Phòng Tổ chức, Trưởng phòng tài chính kế toán và các bộ môn liên quan căn cứ quyết định thi hành.

### Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu ĐTSĐH
- Lưu: HCTH

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

# **CHƯƠNG TRÌNH KHUNG VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**

**CHUYÊN NGÀNH: Y TẾ CÔNG CỘNG**

**MÃ SỐ : 62.72.03.01**

## CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Y tế công cộng được xây dựng trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau:

1. Luật Giáo dục số 11 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X thông qua ngày 27/06/2005.
2. Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.
3. Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ.
4. Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.
5. Biên bản họp mở mã ngành đào tạo Tiến sĩ Y tế công cộng của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Y Hải Phòng được chủ tịch Hội đồng ký ngày 10 tháng 12 năm 2010.
6. Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT – BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
7. Kết quả thông qua Hội đồng khoa học của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc xây dựng chương trình Đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Y tế công cộng ngày 12 tháng 4 năm 2011 .
8. Theo nhu cầu và mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

## **PHẦN IV. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO: Gồm 2 phần**

4.1. Các học phần bổ sung trình độ Thạc sĩ

4.2: Các học phần thuộc ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

4.3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

### **A. Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ gần chuyên ngành y tế công cộng cần học:**

1.1. Các học phần bổ sung trình độ thạc sĩ (Các môn hỗ trợ, các môn chuyên ngành và các môn tự chọn ).

1.2. Các học phần thuộc chương trình tiến sĩ gồm 3 học phần bắt buộc và 1 học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài luận án.

1.3. 03 chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1.4. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

**PHẦN A: CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG CHO NGHIÊN CỨU SINH CỐ**  
**BẢNG THẠC SĨ GẦN CHUYÊN NGÀNH Y TẾ CÔNG CỘNG**

Mã số	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố Tín chỉ/tiết học		
				LT	TH	
YHTH.501	Triết	4	60	4/60	0	
YHNN.502	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	75	3/45	1/30	
YHTT.503	Toán - Tin ứng dụng	2	60	1/15	1/45	
<b>2. Các môn cơ sở và hỗ trợ: 20 TC</b>						
YHNC.504	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	60	1/15	1/45	
YHPP.505	Phương pháp dạy học	2	45	1/15	1/30	
YHTK.506	Thông kê Y học	2	60	1/15	1/45	
YHDC.507	Dịch tễ học cơ sở	3	75	1/15	2/60	
YHKT.508	Kinh tế y tế	3	75	1/15	2/60	
YHYG.509	Các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe và giáo dục sức khỏe	3	60	2/30	1/30	
YHQC.510	Quản lý y tế, dự án y tế và chính sách y tế	3	60	2/30	1/30	
YHCĐ1.511	Thực hành cộng đồng đợt I	2	60		2/60	
<b>3. Các môn chuyên ngành: 15 TC</b>						
YHDA.512	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	3	60	2/30	1/30	
YHMN.513	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	4	90	2/30	2/60	
YHLT.514	Sức khỏe tâm thần và sức khỏe sinh sản	3	60	2/30	1/30	
YHDT.515	Dịch tễ học các bệnh phổ biến	2	60	1/15	1/45	
YHCĐ2.516	Thực hành cộng đồng II – Một sức khỏe	3	45	3/45		
<b>4. Các môn học tự chọn: 8 TC</b>						
YHNN.517	Bệnh nghề nghiệp	Chọn 1 trong môn 4	2	30	2/30	
YHVT.518	Vệ sinh bệnh viện và trường học		2	45	1/15	1/30
YHYB.519	Dịch tễ học nâng cao		2	45	1/15	1/30
YHYN.520	Y học biên		2	45	1/15	1/30
Luận văn			<b>9</b>	135		
<b>Tổng</b>			<b>62</b>	<b>1185</b>		

## PHẦN B. CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Mã số	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bổ ĐVHT/tiết học	
			LT	TH
<b>1. Các học phần bắt buộc</b>				
YHNC.504	Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng	2	1/15	1/45
YHYG.509	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	2	1/15	1/45
YHQC.510	Chính sách y tế	2	1/15	1/45
	Tổng số	6	3/45	3/135
<b>2. Các chuyên đề tiến sĩ</b>				
- Thực trạng và các yếu tố nguy cơ		5		
- Phương pháp tiên hành nghiên cứu		5		
- Các giải pháp can thiệp		5		
-Chuyên đề tổng quan		5		
Tổng		26		
<b>Luận án tiến sĩ</b>				

# **PHẦN A: CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG CHO NGHIÊN CỨU SINH CÓ BẰNG THẠC SĨ GẦN CHUYÊN NGÀNH Y TẾ CÔNG CỘNG**

## **A. CÁC MÔN CHUNG**

### **Đề cương môn học: TRIẾT HỌC**

1. Mã số: YHTH.501

2. Số tín chỉ: 04                      LT: 4                      TH: 0

3. Số tiết học: 60                      LT: 60                      TH: 0

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Lý luận Chính trị - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

#### **5. Giảng viên giảng dạy:**

- ThS - GVC. Đào Nguyên Hùng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- ThS - GVC. Nguyễn Tiến Trường - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- ThS - GVC. Hoàng Thị Minh Hương - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

#### **6. Mô tả môn học:**

Những kiến thức về triết học rất cần thiết cho cán bộ làm công tác khoa học, nó trang bị cho cán bộ phương pháp tư duy khách quan, học viên cần vận dụng những kiến thức này trong quá trình học tập, nghiên cứu, thực hành của mình.

#### **7. Mục tiêu môn học:**

##### **7.1. Mục tiêu**

Môn học cung cấp tri thức khái lược về lịch sử Triết học, nội dung cơ bản của các học thuyết ảnh hưởng nhiều đến đời sống của dân tộc Việt nam và các chuyên đề nhằm góp phần củng cố và phát triển ở người học một thế giới quan khoa học, phương pháp luận khoa học.

Bồi dưỡng tư duy Triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận Triết học cho học viên sau đại học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc ngành y học. Củng cố nhận thức cơ sở lý luận Triết học

của Đường lối cách mạng Việt nam, đặc biệt là chiến lược phát triển con người của Đảng ta.

## 7.2. Yêu cầu về học thuật

- Học viên chủ động trong quá trình học tập; kết hợp kiến thức trong giáo trình với bài giảng trên lớp, kiến thức Triết học bậc đại học và các khoa học khác với kiến thức của môn học.

- Phát huy năng lực của mỗi học viên; đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình giảng dạy và học tập.

- Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học Triết học để góp phần phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên ngành và cuộc sống đặt ra.

## 8. Điều kiện tiên quyết và bố trí giảng dạy – học tập.

- Điều kiện tiên quyết: Học viên đã học xong các môn lý luận chính trị dành cho sinh viên các trường đại học.

- Bố trí giảng dạy – học tập: là một trong những môn học được bố trí giảng dạy học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo sau đại học.

## 9. Nhiệm vụ của học viên

- Nghe giảng viên giới thiệu chương trình và các nội dung cơ bản của môn học.

- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo các chủ đề, câu hỏi và tham gia thảo luận trên giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên.

## 10. Nội dung chương trình:

STT	Nội dung	Số tiết		
		Lý thuyết	Thảo luận	Tổng số
1	<b>Chương 1:</b> Khái luận về triết học Phần 1: Triết học là gì ? Phần 2 : Triết học phương Đông và Triết học phương Tây	10	4	14
2	<b>Chương 2 :</b> Triết học Mác – Lênin Phần 1 : Sự ra đời của Triết học Mác – Lênin Phần 2 : Chủ nghĩa duy vật biện chứng	25	11	36



	Phân 3 : Phép biện chứng duy vật Phân 4 : Chủ nghĩa duy vật lịch sử Phân 5 : Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay			
3	<b>Chương 3</b> : Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học Phân 1 : Mối quan hệ giữa khoa học và Triết học Phân 2 : Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học	3	1	4
4	<b>Chương 4</b> : Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội Phân 1 : Ý thức khoa học Phân 2 : Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội Phân 3 : Khoa học công nghệ ở Việt nam	4	2	6
5	<b>Tổng</b>	42	18	60

### 11. Tài liệu học tập

- Giáo trình của Bộ GD&ĐT: Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên Cao học & Nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học)
- Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Chương trình đại học)
- Lịch sử Triết học – nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà nội

### 12. Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức của học viên.

Tổng hợp gồm 3 phần điểm:

- Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm: không quá 5 học viên/nhóm): 10%
- Bài tiểu luận( thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%
- Bài thi tự luận kết thúc môn học( thời gian làm bài: 90 phút): 60%
- Học viên chủ động trong quá trình học tập; kết hợp kiến thức trong giáo trình với bài giảng trên lớp, kiến thức Triết học bậc đại học và các khoa học khác với kiến thức của môn học.
- Phát huy năng lực của mỗi học viên; đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình giảng dạy và học tập.
- Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học Triết học để góp phần phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên ngành và cuộc sống đặt ra.

### 13. Nhiệm vụ của học viên

- Nghe giảng viên giới thiệu chương trình và các nội dung cơ bản của môn học.
- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo các chủ đề, câu hỏi và tham gia thảo luận trên giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên.

1. Phương pháp dạy/học: Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu overhead.

### 14. Phương pháp đánh giá.

#### Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức của học viên

Tổng hợp gồm 3 phần điểm:

- Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm: không quá 5 học viên/nhóm): 10%
- Bài tiểu luận( thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%
- Bài thi tự luận kết thúc môn học( thời gian làm bài: 90 phút): 60%

14.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Thi lý thuyết tự luận.

14.2. Cách tính điểm môn học:

1) Kiểm tra 1 (ĐKT1):	Trọng số: 0,1
2) Kiểm tra 2 (ĐKT2):	Trọng số: 0,1
3) Kiểm tra 3 (ĐKT3):	Trọng số: 0,1
4) Thi hết môn (ĐT):	Trọng số: 0,7
<b>5) Tổng số</b>	<b>1,0</b>

Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH}=(\text{ĐKT1}*0,1)+(\text{ĐKT2}*0,1)+(\text{ĐKT3}*0,1)+(\text{ĐT}*0,7)$$

**Đề cương môn học:  
Ngoại ngữ chuyên ngành**

1. Mã số: YHNN. 502
2. Tên học phần: Ngoại ngữ
3. Số tín chỉ: 04      LT: 3              TH: 1
4. Số tiết học: 75      LT: 45              TH: 30
5. Số giờ tự học: 105
6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng - Bộ môn Ngoại ngữ - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
7. Giảng viên giảng dạy.  
ThS - GVC. Nguyễn Thị Hiền - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.  
ThS - GVC. Nguyễn Thị Thanh Hương - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- ThS. Trần Thị Hòa - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**8. Mục tiêu học phần**

- Sinh viên sử dụng được ngữ pháp và vốn từ vựng của trình độ tương đương B1 theo Khung Châu Âu chung.
- Sinh viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ tương đương B1 với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Sinh viên sử dụng Ngoại ngữ để đọc hiểu và tra cứu được các tài liệu chuyên ngành Y
- Sinh viên sử dụng được một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản, thường gặp trong y văn.

**9. Mô tả học phần:**

Học phần được chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với trình độ tương đương B1 theo khung Châu Âu. Sinh viên học từ vựng, ngữ pháp, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo định hướng của các bài thi lấy chứng chỉ B1.

- Giai đoạn 2: Sinh viên được cung cấp từ vựng chuyên ngành và ngữ pháp thường gặp trong văn phong khoa học và các tài liệu chuyên ngành y.

## 10. Nội dung chi tiết:

### 10.1. Giai đoạn 1 (30 tiết cả lý thuyết và thực hành)

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Unit1. Present tenses	1	1	4
2	Unit 2. Past tenses	1	1	4
3	Unit 4. Present perfect simple, present perfect continuous	1	1	4
4	Unit 5. Past perfect simple, past perfect continuous	1	1	4
5	Unit 7. Future time	1	1	4
6	Unit 8. Preposition of time and place	1	1	4
7	Unit 10. The passive 1	1	1	4
8	Unit 11. The passive 2	1	1	4
9	Unit17. Relative clauses	1	1	4
10	Unit 25. So; such; too; enough	1	1	4
11	Unit 26. Comparatives; superlatives	1	1	4

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
12	Unit 28. Conditionals 1	1	1	4
13	Unit 29. Conditionals 2	1	1	4
14	Unit 31. Reported speech	1	1	4
15	Unit 32. Reported questions, orders, requests	1	1	4

**10. Giai đoạn 2 ( 45 tiết cả lý thuyết và thực hành):**

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Unit 1. Shapes and Properties	3	1	8
2	Unit 2. Location	3	1	8
3	Unit 3. Structure	3	1	8
4	Unit 4. Function	6	3	18
5	Unit 5. Actions in sequence	3	1	8
6	Unit 6. Cause and Effect	3	1	8
7	Unit 7. Proportion	3	1	8
8	Unit 8. Quantity	3	1	8
9	Unit 9. Cause and Effect	3	1	8

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
10	Unit 10. Proportion	3	1	8

### 11. Phương pháp dạy học:

- Thuyết trình, phát vấn
- Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

### 12. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Phần, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

### 13. Lượng giá:

#### 13.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

#### 13.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình ( Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp
- 01 bài kiểm tra giữa kỳ. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.
- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi đánh giá cuối kỳ.

### **13.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ**

- Thi vấn đáp: Sinh viên thi nói về một số chủ đề đã học.
- Sinh viên phải có kết quả điểm thi vấn đáp (thi nói) từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi viết 120 phút.

### **13.4. Cách tính điểm học phần**

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

$$\text{TKHP lần 1} = (\text{KT Giữa kỳ} + \text{Thi Nói} + \text{Thi Viết}) / 3$$

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2. Điểm

TKHP lần 2 của sinh viên được tính theo công thức sau:

$$\text{TKHP lần 2} = (\text{KT Giữa kỳ} + \text{Thi Nói} + \text{Thi Viết lần 2}) / 3$$

### **14. Tài liệu học tập:**

**Giai đoạn 1:** Tài liệu luyện thi B1 Châu Âu: Destination B1 – Grammar and Vocabulary. Macmillan Press.

**Giai đoạn 2:** Giáo trình English for Medical students (Centre of Human Resources for Health – Ministry of Health)

**Đề cương môn học:**  
**TOÁN TIN ỨNG DỤNG**

Mã số: YHTT. 503

Số tín chỉ: 02

LT: 1

TH: 1

Số tiết học: 60

LT: 15

TH: 45

**1. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:**

**Bộ môn Toán Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.**

**2. Cán bộ giảng dạy:**

- ThS - GVC. Nguyễn Tiến Thắng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

- ThS - GVC. Nguyễn Thị Hạnh Dung - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**3. Mô tả môn học:**

Học phần Toán tin ứng dụng dành cho đối tượng sinh viên Cao học gồm 2 tín chỉ (1 chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm, có ứng dụng máy tính để xử lý số liệu dựa phần mềm thống kê SPSS.

**4. Mục tiêu môn học:**

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Toán thống kê cơ bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học.

Vận dụng phần mềm để xử lý số liệu nghiên cứu y học trên máy vi tính. Xử lý được số liệu trong luận án tốt nghiệp cao học.

Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

**5. Nội dung môn học:**

Thiết kế cơ sở dữ liệu nghiên cứu. Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu. Khử sai số và nhiễu.

Thống kê mô tả: Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu.



Ước lượng trung bình, phương sai, OR, RR, hệ số tương quan tuyến tính,...

Xây dựng đường cong ROC, tìm điểm cắt trong chẩn đoán....

Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai hoặc nhiều kỳ vọng, ANOVA một nhân tố, ANOVA hai nhân tố, So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập của hai dấu hiệu theo phương pháp Chi Square,...

Các tiêu chuẩn kiểm định phi tham số: Tiêu chuẩn Kolmogorov, kiểm định theo dấu,...

Tương quan đa biến: Hệ số tương quan đa biến, tương quan riêng, phương pháp tìm đường hồi quy đa biến...

Tương quan giữa các biến định tính: Hệ số K, F, P hệ số Sperman, Hệ số Pearson,...

## 6.Nội dung môn học:

### 1. Tín chỉ 1: Lý thuyết về Toán tin ứng dụng

Stt	Nội dung bài học	Số tiết	
		Lý thuyết	Tự học
1.	Một số phân mềm thông kê thông dụng, ưu nhược điểm. Cài đặt phần mềm SPSS trên vi tính	2	2
2.	Thiết kế một cơ sở dữ liệu. Kiểm tra tính toán vẹn dữ liệu, các sai số khi xử lý thống kê.	2	2
3.	Mã hóa dữ liệu. Thực hiện các thao tác cơ bản trên dữ liệu.	2	2
4.	Thông kê mô tả, các tham số của quần thể. Các tham số của mẫu, tính các tham số mẫu trên SPSS. Phân phối mẫu, tổ chức đồ tần suất. Ý nghĩa của các tham số.	2	2
5.	Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, OR, RR, hệ số tương quan tuyến tính bằng phần mềm SPSS.	2	2
6.	Xây dựng đường cong ROC tìm điểm cắt trong chẩn đoán y học.	2	2
7.	Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai, ANOVA one way, ANOVA two way. Thực hiện trên máy tính.	2	2
8.	So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập	3	3

	giữa các dấu hiệu định tính. Kiểm định chuẩn. Cách xử lý khi dữ liệu không tuân theo luật chuẩn.		
9.	Tiêu chuẩn Kolmogorov, Kiểm định theo dấu, Kiểm định Wilcoxon, kiểm định hạng theo dấu, Kruskal – Wallis, kiểm định đoạn mạch.	2	2
10.	Tương quan đa biến, ma trận tương quan, hệ số tương quan riêng. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	3	3
11.	Hồi quy logistic, hồi quy logistic đa biến ứng dụng dự báo xác suất mắc bệnh thông qua các chỉ số xét nghiệm.	2	2
12.	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan Q, hệ số tương quan F. Hệ số Pearson P. Hệ số Kramer K. Ý nghĩa.	3	3
13.	Hệ số tương quan hạng Sperman, hệ số tương quan theo Kendall. Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập bằng SPSS.	3	3

## 2. Tín chỉ 1: Thực hành về Toán tin ứng dụng

Stt	Nội dung bài học	Số tiết	
		Lý thuyết	Tự học
1.	Một số phần mềm thống kê thông dụng, ưu nhược điểm. Cài đặt phần mềm SPSS trên vi tính	2	2
2.	Thiết kế một cơ sở dữ liệu. Kiểm tra tính toán vẹn dữ liệu, các sai số khi xử lý thống kê.	2	2
3.	Mã hóa dữ liệu. Thực hiện các thao tác cơ bản trên dữ liệu.	2	2
4.	Thống kê mô tả, các tham số của quần thể. Các tham số của mẫu, tính các tham số mẫu trên SPSS. Phân phối mẫu, tổ chức đồ tần suất. Ý nghĩa của các tham số.	2	2
5.	Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, OR, RR, hệ số tương quan tuyến tính bằng phần mềm SPSS.	2	2
6.	Xây dựng đường cong ROC tìm điểm cắt trong chẩn đoán y học.	2	2
7.	Kiểm định giả thiết thông kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai, ANOVA one way, ANOVA two way. Thực hiện trên máy tính.	2	2
8.	So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính.	3	3

	Kiểm định chuẩn. Cách xử lý khi dữ liệu không tuân theo luật chuẩn.		
9.	Tiêu chuẩn Kolmogorov, Kiểm định theo dấu, Kiểm định Wilcoxon, kiểm định hạng theo dấu, Kruskal – Wallis, kiểm định đoạn mạch.	2	2
10.	Tương quan đa biến, ma trận tương quan, hệ số tương quan riêng. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	3	3
11.	Hồi quy logistic, hồi quy logistic đa biến ứng dụng dự báo xác suất mắc bệnh thông qua các chỉ số xét nghiệm.	2	2
12.	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan Q, hệ số tương quan F. Hệ số Pearson P. Hệ số Kramer K. Ý nghĩa.	3	3
13.	Hệ số tương quan hạng Sperman, hệ số tương quan theo Kendall. Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập bằng SPSS.	3	3

## 7. Phương pháp dạy học

**Lý thuyết:** Giáo viên Thuyết trình, vấn đáp,

Học viên tự nghiên cứu tài liệu.

**Thực hành:** Học viên tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Với những bài tập đã được giao trước về nhà, đến giờ thực hành học viên trình bày trước giáo viên để kiểm tra năng lực và tính chuyên cần. Kết quả được thực hiện bằng phương pháp thủ công và trên phần mềm SPSS để so sánh kết quả.

## 8. Tài liệu giảng dạy

**Tài liệu giảng dạy:**

Giáo trình Toán tin ứng dụng do Bộ môn Toán, Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn năm 2015.

**Tài liệu tham khảo:**

Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập I, II. Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức 2008.

Giáo trình Thống kê Y học dùng cho sau đại học. Bộ môn Toán Đại học Y dược Hải Phòng năm 2013.

Y học thực chứng. Nguyễn Văn Tuấn. Nhà xuất bản Y học năm 2008.

Epidemiology study and data analysis. Mark Woodward. Chapman & Hall/CRC.

Dịch tễ học lâm sàng. Trường Đại học Y Hà Nội - Dương Đình Thiện. Nhà xuất bản Y học 1997.

Giáo trình thống kê y tế công cộng phần 2. Đại học Y tế công cộng. Nhà xuất bản Y học năm 2005.

### **9. Phương pháp đánh giá học phần**

Kiểm tra thực hành: 1 bài vấn đáp (hệ số 1).

Thi hết môn: 1 bài viết hoặc vấn đáp (hệ số 2).

#### **Cách tính điểm môn học:**

1) Kiểm tra1(ĐKT1):	Trọng số	0,2
2) Kiểm tra2(ĐKT2):	Trọng số	0,2
3) Thi hết môn:	Trọng số	0,6
<b>4) Tổng số</b>		<b>1,0</b>

#### **Cách tính điểm môn học:**

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKT1} * 0,2) + (\text{ĐKT2} * 0,2) + (\text{ĐT} * 0,6)$$

## B. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ

### Đề cương môn học: PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã số: YHNC. 504

Số tín chỉ: 2

LT : 01

TH: 01

Số tiết học: 60

LT : 15

TH: 45

#### 1. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy.

Đơn vị phương pháp NCKH – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

#### 2. Cán bộ giảng dạy.

- GS.TS. Phạm Văn Thức - Trưởng Đơn vị nghiên cứu khoa học - ĐHYD HP.
- PGS.TS. Phạm Văn Hán - Giảng viên Đơn vị nghiên cứu khoa học – ĐHYDHP.
- PGS.TS. Chu Văn Thăng - Khoa YTCC Trường ĐHYHN.

#### 3. Mô tả môn học.

Những kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học rất cần thiết cho học viên trong chương trình đào tạo thạc sỹ, giúp cho học viên có phương pháp nghiên cứu chuẩn hoá. hoàn thành luận văn tốt nghiệp và tiếp tục nghiên cứu khoa học sau khi ra trường. Môn học gồm 4 chương:

Chương 1: Chuẩn bị đề cương nghiên cứu

Chương 2: Các loại thiết kế nghiên cứu dịch tễ học ứng dụng trong nghiên cứu y học.

Chương 3: Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu y học.

Chương 4: Phân tích, trình bày kết quả nghiên cứu và viết báo cáo khoa học

#### 4. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- 4.1. Trình bày và phân tích ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học.
- 4.2. Xây dựng được đề cương nghiên cứu.
- 4.3. Biết cách thiết kế nghiên cứu, thu thập được số liệu, biết cách viết một báo cáo khoa học.

#### 5. Nội dung:

##### Tín chỉ 1: Lý thuyết về PPNCKH

STT	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1.	<b>Chương 1: Phương pháp chuẩn bị đề cương NCKH</b> 1. Phần đặt vấn đề, mục tiêu nghiên cứu	3	6

	2. Tổng quan tài liệu 3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu 4. Dự kiến kết quả nghiên cứu 5. Bàn luận 6. Kết luận		
<b>2.</b>	<b>Chương 2: Các loại thiết kế nghiên cứu dịch tễ học</b> 1. Phương pháp nghiên cứu cắt ngang. 2. Phương pháp nghiên cứu thuần tập. 3. Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng. 4. Thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có đối chứng.	4	8
<b>3.</b>	<b>Chương 3: Quần thể và mẫu nghiên cứu</b> 1. Quần thể nghiên cứu. 2. Chọn mẫu nghiên cứu trong y học.	4	8
<b>4.</b>	<b>Chương 4 : Phân tích số liệu, trình bày kết quả nghiên cứu, viết báo cáo khoa học</b> 1. Lựa chọn các test thống kê thích hợp trong phân tích số liệu nghiên cứu Y học. 2. Trình bày các kết quả nghiên cứu Y học. 3. Cách viết một báo cáo khoa học (luận văn, luận án).	4	8
	<b>Tổng</b>	15	30

### Tín chỉ 1: Thiết kế một đề cương nghiên cứu

STT	Nội dung	Số tiết	
		TH	Tự học
<b>1.</b>	<b>Chương 1: Phương pháp chuẩn bị đề cương NCKH</b> 1. Phần đặt vấn đề, mục tiêu nghiên cứu 2. Tổng quan tài liệu 3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu 4. Dự kiến kết quả nghiên cứu 5. Bàn luận 6. Kết luận	4	2
<b>2.</b>	<b>Chương 2 : Phân tích số liệu, trình bày kết quả nghiên cứu, viết báo cáo khoa học</b> 1. Lựa chọn các test thống kê thích hợp trong phân tích số liệu nghiên cứu Y học. 2. Trình bày các kết quả nghiên cứu Y học.	<b>16</b>	<b>8</b>

	3. Cách viết một báo cáo khoa học (luận văn, luận án).		
<b>3.</b>	<b>Chương 2: Các loại thiết kế nghiên cứu dịch tễ học</b> 1. Phương pháp nghiên cứu cắt ngang. 2. Phương pháp nghiên cứu thuần tập. 3. Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng. 4. Thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có đối chứng.	16	8
<b>4.</b>	<b>Chương 4 : Phân tích số liệu, trình bày kết quả nghiên cứu, viết báo cáo khoa học</b> 1. Lựa chọn các test thống kê thích hợp trong phân tích số liệu nghiên cứu Y học. 2. Trình bày các kết quả nghiên cứu Y học. 3. Cách viết một báo cáo khoa học (luận văn, luận án).	9	4
	<b>Tổng</b>	45	22

### 6. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Dịch tễ và thống kê trong nghiên cứu khoa học. Khoa YTCC, Trường đại học Y Dược Hải Phòng
2. Dịch tễ học, Trường đại học Y Hải Phòng 2012

### Tài liệu tham khảo:

1. Dịch tễ và thống kê trong nghiên cứu khoa học, nhà xuất bản Y học – Hà Nội 1999
2. Dương Đình Thiện. Dịch tễ học lâm sàng, nhà xuất bản Y học Hà Nội 1997.
3. Nghiên cứu khoa học y học / Lưu Ngọc Hoạt. - H. : Y học, 2016. - 99tr. ; 27cm. Tập 2 : Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu / Lưu Ngọc Hoạt. - 99tr.
4. Nghiên cứu khoa học y học. - Tái bản lần 1 có bổ sung. - H. : Y học, 2016. - 185tr. ; 27cm. Tập 1 : Phương pháp viết đề cương nghiên cứu. - 185tr.
5. Dịch tễ học : Sách đào tạo sau đại học / Vũ Thị Hoàng Lan. - H. : Y học, 2011. - 202 tr. : minh họa ; 27 cm
6. Dịch tễ học các bệnh kiểm dịch quốc tế / Nguyễn Văn Hiếu. - H. : Y học, 1998. – 228tr ; 19cm.
7. Dịch tễ học lâm sàng : T.1. - H. : Y học, 2006. – 261tr. : Hình vẽ
8. Dịch tễ học lâm sàng : T1 / Dương Đình Thiện. - H. : Y học, 1997. - 247 tr.; 24 cm
9. Dịch tễ học lâm sàng : Tập 2. - H. : Y học, 2004. – 347tr. : hình vẽ, bảng

10. Dịch tễ học liệt mềm cấp do vi rút đường ruột ở trẻ em miền Bắc, Việt Nam : Sách chuyên khảo. - H. : Y học, 2016. - 95tr. ; 27cm
11. Dịch tễ học một số bệnh thường gặp / Nguyễn Văn Hiếu. - H. : Y học, 1996. - 237 tr.; 24 cm
12. Dịch tễ học từng bệnh Dương Đình Thiện / Hoàng Tích Mịch. - H. : Y học, 1981. - 211 tr. ; 21 cm
13. Epidémiologie principes et méthodes quantitatives. - Paris : Inserm, 1993. - 498p.; 19 cm
14. Basic epidemiology / Beaglehole, R.. - Geneva : WHO, 1993. - 175p.; 19cm
15. Biostatics and epidemiology : Armen Khachatryan, M.D.. - McGraw - Hill : Health professions division, 1998. - 111 tr. ; 19 cm.

## 7. Phương pháp dạy học

### 7.1. Phương pháp dạy/học:

Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- + Lý thuyết
- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

+ Bài tập:

- Thiết kế một đề cương nghiên cứu khoa học

### 7.2. Vật liệu để dạy/học :

Gồm phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

## 8. Phương pháp đánh giá

8.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi đề cương nghiên cứu khoa học.

8.2. Cách tính điểm môn học:

1) Kiểm tra1(ĐKT1):	Trọng số	0,2
2) Kiểm tra2(ĐKT2):	Trọng số	0,2
3) Thi hết môn:	Trọng số	0,6
<b>4) Tổng số</b>		<b>1,0</b>

**Cách tính điểm môn học:**

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKT1} * 0,2) + (\text{ĐKT2} * 0,2) + (\text{ĐT} * 0,6)$$



**Đề cương môn học:**  
**PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**

Mã số: YHPP. 505

Số tín chỉ: 02

LT : 01

TH: 01

Số tiết học: 45

LT : 15

TH: 30

Số giờ tự học: 45

**1. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy**

Đơn vị phương pháp giảng dạy đại học – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**2. Cán bộ giảng dạy**

- PGS.TS. Nguyễn Thị Dung – Trưởng đơn vị Phương pháp giảng dạy - Trường

ĐHYD Hải Phòng.

- PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi - Giảng viên đơn vị Phương pháp giảng dạy- Trường

ĐHYD Hải Phòng.

-TS. Nguyễn Thị Thông – Giảng viên đơn vị Phương pháp giảng dạy - Trường ĐHYD Hải Phòng.

**3. Mô tả môn học**

- Các bác sĩ sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ Y học phải tham gia giảng dạy ở các Trường đại học, Cao đẳng y tế hoặc tại các Bệnh viện.

- Trong quá trình đào tạo đại học, sinh viên chưa được học phương pháp giảng dạy. Vì vậy, rất cần bổ sung những kiến thức này cho các học viên trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

**4. Mục tiêu học tập**

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- 1.Trình bày được các phương pháp dạy/ học truyền thống và tích cực.
- 2.Trình bày các phương pháp lượng giá/ đánh giá khách quan.
- 3.Chuẩn bị được một kế hoạch bài giảng và giảng một bài theo một trong những phương pháp dạy/ học tích cực.

## 5. Nội dung.

### Tín chỉ 1: Lý thuyết phương pháp dạy học

STT	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1.	<b>Chương 1: Giới thiệu môn học</b> 1. Các khuynh hướng mới trong GDYH. 2. Đặc điểm của PPDHTC.	2	4
2.	<b>Chương 2: Xác định được mục tiêu học tập</b> 1. Xác định mục tiêu học tập 2. Cách viết mục tiêu học tập	2	4
3.	<b>Chương 3: Một số phương pháp dạy học hiện nay</b> <b>1. Dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm</b> 1.1. Khái niệm về phương pháp dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm. 1.2. Cách chia nhóm. 1.3. Vai trò của người điều hành thảo luận nhóm. 1.4. Vai trò từng thành viên tham gia thảo luận nhóm. 3.1.5. Lượng giá bài học. <b>2. Dạy/học bằng bảng kiểm</b> 2.1. Phương pháp xây dựng bảng kiểm dùng trong dạy học. 2.2. Áp dụng bảng kiểm trong bài giảng lý thuyết. 2.3. Áp dụng bảng kiểm trong thực hành lâm sàng. 2.4. Áp dụng bảng kiểm trong đánh giá thực hành tay nghề. 2.5. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học. <b>3. Dạy/học bằng phương pháp đóng vai</b> 3.1. Cách phân vai trong dạy/học 3.2. Vai trò của thầy trong dạy học bằng phương pháp đóng vai. 3.3. Vai trò của học viên trong dạy học bằng phương pháp đóng vai. 3.4. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học <b>4. Dạy/học bằng phương pháp nghiên cứu từng case</b> 4.1. Phương pháp phân tích trường hợp.	5	10

	4.2. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học.		
4.	<b>Chương 4. Phương pháp lượng giá</b> 1. Phương pháp thi viết cổ điển. 2. Phương pháp thi trắc nghiệm. 3. Phương pháp thi chạy trạm. 4. Lượng giá lý thuyết. 5. Lượng giá thực hành.	5	10
5.	<b>Chương 5: Viết kế hoạch bài giảng</b> 1. Chuẩn bị tài liệu viết kế hoạch bài giảng. 2. Các bước tiến hành viết kế hoạch bài giảng.	1	2
	<b>Tổng</b>	15	30

**Tín chỉ 2: Thực hành thiết kế một kế hoạch bài giảng.**

STT	Nội dung	Số tiết	
		TH	Tự học
1.	<p><b>Chương 1: Một số phương pháp dạy học hiện nay</b></p> <p><b>1. Dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm</b></p> <p>1.1. Phương pháp thảo luận nhóm. 1.2. Cách chia nhóm. 1.3. Lượng giá bài học.</p> <p><b>2. Dạy/học bằng bảng kiểm</b></p> <p>2.1. Phương pháp xây dựng bảng kiểm dùng trong dạy học. 2.2. Áp dụng bảng kiểm trong bài giảng lý thuyết. 2.3. Áp dụng bảng kiểm trong thực hành lâm sàng. 2.4. Áp dụng bảng kiểm trong đánh giá thực hành tay nghề. 2.5. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học.</p> <p><b>3. Dạy/học bằng phương pháp đóng vai</b></p> <p>3.1. Vai trò của thầy trong dạy học bằng phương pháp đóng vai. 3.2. Vai trò của học viên trong dạy học bằng phương pháp đóng vai. 3.3. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học</p> <p><b>4. Dạy/học bằng phương pháp nghiên cứu từng case</b></p>	16	8

	Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học.		
<b>4.</b>	<b>Chương 2. Phương pháp lượng giá</b> 1. Thực hành về một bài thi viết cổ điển. 2. Thực hành về phương pháp thi trắc nghiệm. 3. Thực hành phương pháp thi chạy trạm. 4. Lượng giá lý thuyết. 5. Lượng giá thực hành.	7	3
<b>5.</b>	<b>Chương 3: Viết kế hoạch bài giảng</b> 1. Chuẩn bị tài liệu viết kế hoạch bài giảng. 2. Các bước tiến hành viết kế hoạch bài giảng.	7	4
	<b>Tổng</b>	30	15

## 6. Tài liệu học tập.

Giáo trình dạy/học tích cực và lượng giá sinh viên giáo trình Đơn vị biên soạn.

### Tài liệu tham khảo.

1. Bộ môn Giáo dục Y học trường Đại học Y Hà Nội: “ Dạy – học tích cực trong đào tạo Y học” Nhà xuất bản Y học năm 2012
2. Nguyễn Văn Hiến, Lê Thu Hà: “ Phương pháp dạy-học tích cực” Nhà xuất bản Y học , Hà nội năm 2011
3. Phạm Văn Thức , Nguyễn Ngọc Sáng : “ Phương pháp dạy – học lâm sàng “ Nhà Xuất bản Y học năm 2012
4. MAILLARD Dominique : “ Formation pédagogique - Programme de mission du diplôme universitaire pédagogique de la Faculté de Médecine Paris Diderot Paris 7 en 2007
5. MAILLARD Dominique: “ Méthode pédagogique - Programme de mission du diplôme universitaire pédagogique de la Faculté de Médecine Paris Diderot Paris 7 en 2013

## 7. Phương pháp dạy học

### 7.1. Phương pháp dạy/học:

Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

+ *Lý thuyết*

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

+ *Bài tập:*

- Thiết kế một kế hoạch bài giảng
- Xây dựng câu hỏi lượng giá sau bài học

### **7.2. Vật liệu để dạy/học:**

Gồm phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

## **8. Phương pháp đánh giá**

### **8.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:**

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM
3. Trình bày một kế hoạch bài giảng

### **8.2. Cách tính điểm môn học:**

1) Kiểm tra 1(ĐKT1):	Trọng số	0,2
2) Kiểm tra 2(ĐKT2):	Trọng số	0,2
3) Thi hết môn:	Trọng số	0,6
<b>4) Tổng số</b>		<b>1,0</b>

**Điểm môn học là số bình quân của 3 điểm trên:**

$$\mathbf{ĐMH=(ĐKT1*0,2)+(ĐKT2*0,2)+(ĐT*0,6)}$$

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT THỐNG KÊ Y HỌC**

1.Mã học phần: YHTK.506

2.Số tín chỉ: 02                      Lý thuyết: 01                      Thực hành: 01

3.Số tiết: 60                      Lý thuyết: 15                      Thực hành: 45

4.Số tiết tự học: 60

5. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng.

### **Cán bộ giảng dạy:**

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng.

- ThS. Đào Thu Hằng Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng.

### **6. Mô tả học phần:**

Học phần Thống kê Y học dành cho đối tượng sinh viên Cao học YTCC gồm 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm,...

#### Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Bài toán ước lượng tham số của tổng thể: Ước lượng điểm, ước lượng khoảng, ước lượng không chệch, vững, hiệu quả. Ước lượng hợp lý cực đại,...

Các bài toán ước lượng tham số cơ bản: Ước lượng kỳ vọng toán học, ước lượng hiệu hai kỳ vọng, ước lượng phương sai, ước lượng  $OR$ ,  $RR$ ,...

Bài toán kiểm định giả thiết thống kê: Quy tắc kiểm định, các loại sai lầm, nguyên lý xác suất bé trong kiểm định,...

Các bài toán kiểm định cơ bản: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai, kiểm định chuẩn và hàm chuẩn, so sánh đồng thời nhiều kỳ vọng toán học, so sánh tỷ lệ, kiểm định tính độc lập bằng phương pháp Chi Square,...

Các kiểm định phi tham số: Tiêu chuẩn *Kolmogorov*, tiêu chuẩn *Willcoxon*, tiêu chuẩn hạng có dấu *Willcoxon*, Tiêu chuẩn *Kruskal Wallis*,...

Tương quan tuyến tính hai biến: Hệ số tương quan, đường hồi quy tuyến tính, kiểm định.

Tương quan đa biến tuyến tính: Hệ số tương quan bội, hệ số tương quan riêng. Phương pháp tìm đường hồi quy đa biến bằng cách đưa dần vào, loại trừ dần và phương pháp đưa dần từng bước.

Tương quan giữa các dấu hiệu định tính: Hệ số *Kappa*, cá hệ số tương quan *Pearson*, hệ số *Kramer*, hệ số *Sperman*,...

### 7. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Thống kê y học căn bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học.

Xử lý được số liệu nghiên cứu, số liệu thống kê trong luận án tốt nghiệp cao học.

Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

### 8. Nội dung môn học.

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết		
		Tự học	LT	TH
1	Tổng thể và mẫu, các quy tắc chọn mẫu, các công thức tính cỡ mẫu cơ bản cho từng loại nghiên cứu và từng bài toán thống kê.	4	1	3
2	Các sai số trong nghiên cứu: Sai số thô, sai số hệ thống và sai số ngẫu nhiên. Một số phương pháp khử sai số.	4	1	3
3	Các tham số của quần thể. Các tham số của mẫu. Phân phối mẫu, tổ chức đồ tần suất. Ý nghĩa của các tham số.	4	1	3
4	Bài toán ước lượng tham số: Ước lượng điểm, ước lượng khoảng. Các loại ước lượng cơ bản: Ước lượng không chệch, vững, hiệu quả, ước lượng hợp lý cực đại...	4	1	3

5	Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, <i>OR</i> , <i>RR</i> , hệ số tương quan tuyến tính trên một bộ số liệu nghiên cứu y học.	4	1	3
6	Bài toán kiểm định giả thiết thống kê: Giả thiết và đối thiết, các sai lầm loại I, loại II trong kiểm định. Sơ đồ kiểm định một giả thiết, nguyên lý xác suất nhỏ.	4	1	3
7	Bài toán so sánh hai kỳ vọng toán học, so sánh phương sai. So sánh nhiều kỳ vọng bằng phương pháp <i>ANOVA one way</i> , <i>ANOVA two way</i> .	4	1	3
8	So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính. Kiểm định chuẩn. Cách xử lý khi dữ liệu không tuân theo luật chuẩn.	6	1	3
9	Tiêu chuẩn <i>Kolmogorov</i> , Kiểm định theo dấu, Kiểm định <i>Wilcoxon</i> , kiểm định hạng theo dấu, kiểm định đoạn mạch, kiểm định phi tham số theo <i>Kruskal – Wallis</i> .	4	1	4
10	Tương quan tuyến tính: Hệ số tương quan tuyến tính, phương trình đường hồi quy tuyến tính. Ước lượng các hệ số hồi quy.	6	1	3
11	Tương quan tuyến tính đa biến, ma trận tương quan, hệ số tương quan riêng.	4	1	4
12	Các phương pháp tìm đường hồi quy đa biến, đánh giá hệ số ảnh hưởng. Cách tìm mô hình phù hợp và đường hồi quy đa biến.	4	2	4
13	Tương quan giữa các biến định tính. Các hệ số tương quan giữa các biến định tính.	4	1	3



14	Hệ số tương quan hạng <i>Sperman</i> , hệ số tương quan theo <i>Kendall</i> . Hệ số tương đồng <i>Kappa</i> và ứng dụng trong nghiên cứu y học.	4	1	3
<b>TỔNG</b>		<b>60</b>	<b>15</b>	<b>45</b>

## 9. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Lý thuyết: Giáo viên Thuyết trình, vấn đáp, học viên tự nghiên cứu tài liệu.

Thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Với những bài tập đã được giao trước về nhà, đến giờ thực hành học viên trình bày trước giáo viên để kiểm tra năng lực và tính chuyên cần.

## 10. TÀI LIỆU DẠY HỌC

Tài liệu học tập:

Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê Y học (dùng cho học viên sau đại học), Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Xác suất thống kê Y Dược, Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2016.
2. Bài tập Xác suất thống kê Y Dược, Bộ môn Toán học – Đại học Y Dược Hải Phòng, 2016.
3. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, Lý thuyết xác suất và thống kê toán, NXB Giáo dục, 2002.

## 11. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC

Giảng đường có bảng, phấn; đảm bảo đầy đủ âm thanh, ánh sáng, bàn ghế phù hợp với số lượng học viên.

## 12. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** Đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức xác suất và thống kê của HV ở bậc đại học, trong thực tế nghề nghiệp và cuộc sống.

- **Đánh giá quá trình:** Thái độ học tập, chuẩn bị bài, làm bài tập trong các giờ thực hành (01 điểm hệ số 1).

- **Đánh giá cuối học phần:** 01 bài thi tự luận 60 phút hoặc thi vấn đáp (hệ số 2).

Điều kiện để được dự thi hết học phần: Điểm đánh giá quá trình đạt 5.0 trở lên.

Các điểm được tính theo thang điểm 10.

**Đề cương môn học:**  
**DỊCH TỄ HỌC CƠ SỞ**

1. Mã số: YHDC.507
2. Số tín chỉ: 2                      LT: 1                      TH: 1
3. Số tiết học: 60                      LT: 15                      TH: 45
4. Số giờ tự học: 30
5. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Dịch tễ học – Khoa Y tế công cộng - Trường ĐHYD Hải Phòng.

Giảng viên giảng dạy:

**6. Mô tả học phần:**

Học phần môn Dịch tễ học cơ sở sẽ cung cấp các nội dung chủ yếu của dịch tễ học liên quan tới các hoạt động quản lý trong hệ thống y tế nhà nước.

Trong đó bao gồm các nội dung chính sau:

- Hoàn thành được một nội dung về thu thập các thông tin về một vấn đề dịch vụ y tế công cộng.
- Hoàn thành được thiết kế đánh giá chương trình can thiệp y tế
- Phân tích được kết quả/chất lượng một hoạt động dịch vụ y tế công cộng.
- Phân tích được một nguyên nhân sức khỏe công cộng
- Xây dựng được một chương trình sàng tuyển phát hiện sớm bệnh trong cộng đồng.

**7. Mục tiêu học phần:**

*Sau khi học xong phần này học viên có khả năng:*

- 7.1. Trình bày được các nguyên lý và phương pháp dịch tễ học trong việc phát triển và mô tả các vấn đề sức khỏe của cộng đồng.
- 7.2. Lựa chọn được các thiết kế nghiên cứu thích hợp trong việc xác định yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe của cộng đồng.
- 7.3. Lựa chọn được các phương pháp thích hợp trong việc đánh giá hiệu quả của các biện pháp can thiệp.

7.4. Phân tích được tính giá trị của các kết quả nghiên cứu khoa học.

## 8. Phân bố thời gian:

Học phần này gồm 02 tín chỉ (1 lý thuyết/1 thực hành). Việc tổ chức học viên học tập bao gồm hai hoạt động chính: Thuyết trình và thảo luận nhóm để giải quyết các vấn đề như đã mô tả ở học phần.

Hai tín chỉ lý thuyết sẽ được dạy trong hai tuần

## 9. Điều kiện và yêu cầu của học phần.

Học viên cần được trang bị các kiến thức của các môn học trước khi học học phần này như:

- Đã được học chương trình vi sinh vật y học (chương trình BS hệ chính quy); được học các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh vật y học, ký sinh trùng y học
- Đã học xong môn học thống kê y học
- Đã học qua một số môn lâm sàng như: bệnh học truyền nhiễm
- Đã học qua môn sinh thái học, môi trường sức khỏe

## 10. Nội dung học phần:

STT	Nội dung	Số tiết		Tự học
		LT	TH	
1	Các khái niệm thường dùng trong dịch tễ học, nhiệm vụ, mục tiêu của dịch tễ học	2	0	4
2	Đo lường mắc bệnh và tử vong	1	4	2
3	Các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghiên cứu mô tả</li><li>- Nghiên cứu bệnh chứng</li><li>- Nghiên cứu thuần tập</li><li>- Nghiên cứu can thiệp</li></ul>	1	1	2
4	Sàng tuyển phát hiện sớm bệnh	1	4	2
5	Đo lường sự kết hợp	1	4	2
6	Kết hợp thống kê và quan hệ nhân quả	2	4	4

7	Phương pháp nghiên cứu trên mẫu	1	4	2
8	Sai số trong nghiên cứu dịch tễ học	1	4	2
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>45</b>	<b>30</b>

### **11. Phương pháp giảng dạy:**

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm

### **12. Phương tiện và vật liệu giảng dạy:**

- Máy chiếu Projector
- Bài tập tình huống

### **13. Đánh giá:**

- Số lần kiểm tra: 02 lần (kiểm tra giữa học phần) - hình thức kiểm tra: viết
- Số bài thi hết môn học: 01 (sau khi kết thúc môn học - theo lịch nhà trường)
- Hình thức thi hết môn học: thi viết hoặc viết chuyên đề
- Cách tính điểm học phần:  $KT1 \times 0.2 + GK \times 0.3 + Thi \times 0.5$

### **14. Tài liệu học tập và tham khảo**

#### 14.1. Tài liệu học tập

- Trường đại học Y Dược Hải Phòng, Dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội 2014.

#### 14.2. Tài liệu tham khảo

- Trường Đại học Y tế công cộng (2011), Dịch tễ học, NXB Y học, Hà Nội 2011

## Đề cương môn học:

### KINH TẾ Y TẾ

1. Mã số: YHKY.508
2. Số tín chỉ: 3                      LT: 1              TH: 2
3. Số tiết học: 75                      LT: 15              TH: 60
4. Số giờ tự học: 30
5. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

**Bộ Y xã hội học – Khoa Y tế công cộng – Trường ĐHYD Hải Phòng.**

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Phạm Văn Hán - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
2. BS. CKII. Nguyễn Bá Dụng- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
3. TS. Nguyễn Quang Chính- Trung tâm truyền thông & GDSK Hải Phòng
4. ThS. Trần Thị Bích Hồi- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

#### 6. Mô tả học phần

#### 7. Mục tiêu:

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về kinh tế y tế.
2. Áp dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế y tế vào lĩnh vực hoạt động của mình.

#### 8. Nội dung:

STT	Tên chuyên đề, bài giảng	Số tiết		Tự học
		Lý thuyết	Thực hành	
<u>Phân I: Giới thiệu kinh tế và kinh tế y tế.</u>				
1	Giới thiệu kinh tế và kinh tế y tế.	2	8	4
<u>Phân II: Đánh giá kinh tế</u>				
2	Phân tích chi phí	2	8	4

3	Đo lường gánh nặng bệnh tật của cộng đồng.	2	8	4
4	Phân tích chi phí- hiệu quả	2	8	4
5	Phân tích chi phí - lợi ích	2	8	4
6	Phân tích chi phí thoả dụng	2	8	4
<b>Phân III: Tài chính y tế</b>				
7	Tài chính y tế	1	4	2
8	Bảo hiểm y tế	1	4	2
9	Phí khám chữa bệnh	1	4	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>	<b>60</b>	<b>30</b>

### **Phương pháp giảng**

1. Thuyết trình ngắn
2. Nghiên cứu trường hợp
3. Thảo luận nhóm
4. Bài tập

### **Phương pháp lượng giá**

1. Test trắc nghiệm – Lượng giá cuối buổi
2. Bài tập tình huống - Lượng giá cuối buổi
3. Câu hỏi, bài tập – Lượng giá cuối đợt

**Số chứng chỉ:** 01 (01 lần thi)

### **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Thị Kim Chúc, Kinh tế Y tế và Bảo hiểm Y tế, Sách đào tạo BSDK, Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế, NXB Y học, năm 2007.

2. Tài chính y tế từ góc độ gia đình và người sử dụng dịch vụ y tế, Dương Huy Liệu, Nguyễn Quang Ân, Nguyễn Hoàng Long, Sarah Bales, Nguyễn Văn Vững (2006).
3. Định hướng chính sách tài chính y tế tổng thể tại Việt Nam, Dương Huy Liệu, Nguyễn Hoàng Long (2007).
4. Các giải pháp chính sách y tế cho người nghèo, Dương Huy Liệu, Nguyễn Hoàng Long (2006).
5. Giáo trình cầu và nhu cầu chăm sóc sức khỏe. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên xb, 2015. - 214tr. ; 24cm
6. Giáo trình đại cương kinh tế y tế / Phạm Hồng Hải. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2015. - 206tr. ; 24cm
7. Giáo trình thị trường cung ứng và dịch vụ chăm sóc sức khỏe / Phạm Hồng Hải. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên xb, 2015. - 310tr. ; 24cm
8. Analyse des couts dans les programmes de soins de santé primaires : Manuel de formation à l'usage des responsables de programmes / Creese, Andrew. - Genève : MS, 1995. - 158p. ; 19 cm
9. Analysis of hospital costs: a manual for managers / Donald S. Shepard. - Geneva : World Health Organization, 2000. - 92p : 21 cm.



**Đề cương môn học:**  
**CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC KHỎE VÀ GIÁO DỤC**  
**SỨC KHỎE**

**1. Mã số:** YHYG.509

**2. Số tín chỉ:** 3                      LT: 2                      TH: 1

**3. Số tiết học:** 60                      LT: 30                      TH: 30

**4. Số lần kiểm tra:** 2                      Thi hết môn 1                      Điểm môn học 1

**5. Số giờ tự học:** 60

**6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:**

Bộ môn Y xã hội học - Khoa Y tế Công cộng- Đại học Y Dược Hải Phòng

**Cán bộ giảng dạy:**

1. PGS. TS. Phạm Văn Hán - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

2. BS. CKII. Nguyễn Bá Dụng- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

3. ThS- GVC. Trần Thị Bích Hồi- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

**7. Mục tiêu:**

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng. Phân tích và đánh giá được các tác động có lợi và có hại đến sức khoẻ.

2. Trình bày được các khái niệm về giáo dục sức khoẻ và Phân tích được vai trò của giáo dục sức khoẻ trong CCSKBD và tăng cường sức khoẻ.

3. Trình bày được quá trình thay đổi hành vi sức khoẻ và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thay đổi hành vi.

4. Phân tích được quá trình truyền thông và kỹ năng truyền thông.

5. Phân tích được các ưu nhược điểm của các phương pháp và phương tiện thông tin-giáo dục sức khoẻ.

6. Lập được kế hoạch cho một chương trình giáo dục sức khoẻ cụ thể và đánh giá được một chương trình giáo dục sức khoẻ phù hợp với lĩnh vực công tác.

## 7. Nội dung

		Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Tự học
	<b><u>Phần I: Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ.</u></b>			
1	Xây dựng cây vấn đề và mô hình các yếu tố ảnh hưởng sức khoẻ.	02	04	4
	Yếu tố kinh tế văn hoá, xã hội ảnh hưởng đến sức khoẻ: Giới, lối sống, phong tục tập quán.	02	04	4
2	Môi trường: dinh dưỡng, nước sạch, nhà ở, giáo dục. dịch vụ y tế, hòa bình, nghèo đói, phát triển bền vững ảnh hưởng đến sức khoẻ	03	05	6
3	Tầm quan trọng của sức khoẻ, chính sách tăng cường sức khoẻ: WHO, Vietnam và Ottawa.	02	00	4
4	Những chiến lược tiếp cận tăng cường sức khoẻ. –sự tham gia của cộng đồng trong tăng cường SK	03	04	6
	<b><u>Phần II: Giáo dục sức khoẻ</u></b>			
1	Giới thiệu về giáo dục sức khoẻ và vai trò của giáo dục sức khoẻ.	01	00	2
2	Quá trình thay đổi hành vi –yếu tố ảnh hưởng thay đổi hành vi.	03	04	6
3	Giới thiệu về truyền thông – Quá trình truyền thông.	02	00	4

4	Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe.	02	04	4
6	Các phương pháp và phương tiện TT-GDSK.	02	04	4
7	Thực hành giáo dục sức khỏe với cá nhân, nhóm	02	04	4
8	Thực hành giáo dục sức khỏe với nhóm.	02	04	4
9	Quản lý giáo dục sức khỏe	02	04	4
10	Đánh giá hoạt động giáo dục sức khỏe.	02	04	4
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	<b>45</b>	<b>60</b>

### **Phương pháp dạy học**

1. Thuyết trình ngắn
2. Nghiên cứu trường hợp
3. Thảo luận nhóm, bài tập

### **Phương pháp đánh giá:**

1. Test trắc nghiệm
2. Bài tập tình huống
3. Cách tính điểm học phần

Số lần kiểm tra: - Lí thuyết: 1      Trọng số    0,3

- Thực hành : 1

Số lần thi hết môn: - Lí thuyết: 1      Trọng số    0,7

- Thực hành : 1

**Tổng trọng số    1,0**

### **Tài liệu học tập:**

Bài giảng các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và giáo dục sức khỏe

### **Tài liệu tham khảo :**

1. Giáo dục sức khỏe, Nhóm biên soạn, 2014
2. Các kỹ năng giao tiếp trong y học, Margaret Lloyd, Robert Bor (2006)

3. Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe : Tài liệu hướng dẫn giáo viên các trường trung cấp y tế. - H. : Giáo dục, 2009. - 136 tr. ; 27 cmNXB Y học, năm 2003.

**Đề cương môn học:**  
**QUẢN LÝ Y TẾ, DỰ ÁN Y TẾ VÀ CHÍNH SÁCH Y TẾ**

1. Mã số: YHQC.510

2. Số tín chỉ: 3                      LT: 2                      TH: 1

3. Số tiết học: 60                      LT: 30                      TH: 30

4. Số lần kiểm tra: 2                      Thi hết môn 1                      Điểm môn học 1

5. Số giờ tự học: 60

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:

Bộ môn Y xã hội học - Khoa Y tế Công cộng - Đại học Y Dược Hải Phòng

**Cán bộ giảng dạy:**

1. PGS. TS. Phạm Văn Hán - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
2. BS. CKII. Nguyễn Bá Dụng- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
3. ThS. GVC. Trần Thị Bích Hồi- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

7. Mục tiêu học tập:

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được lý thuyết tổ chức và hệ thống, phân tích mô hình hệ thống tổ chức ngành y tế từ trung ương đến cơ sở.
2. Trình bày được các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế và thực hiện được việc lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các nội dung chương trình y tế công cộng.
3. Áp dụng được các nội dung quản lý y tế cơ bản vào trong công tác của mình.
4. Ứng dụng được những nội dung cơ bản và phương pháp nghiên cứu để xây dựng, điều chỉnh và triển khai chính sách y tế tại địa phương
5. Trình bày được những nội dung cơ bản của luật bảo vệ sức khoẻ nhân dân Việt Nam, luật khám chữa bệnh, luật bảo hiểm y tế. Vận dụng xem xét việc thực hiện các luật định về sức khoẻ trong phạm vi công tác của mình.

## 8. Nội dung

<b>Phần I: Quản lý y tế</b>		<b>Số tiết LT</b>	<b>Số tiết TH</b>	<b>Tự học</b>
1	Khái niệm về tổ chức, hệ thống và tổ chức ,hệ thống y tế. Tổ chức bộ máy y tế Việt Nam	03	04	6
2	Đại cương về quản lý và quản lý y tế.	02		4
3	Phân tích các vấn đề sức khỏe YTCC	02	04	4
4	Chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên và xây dựng mục tiêu trong y tế công cộng	02	04	4
5	Kế hoạch và lập kế hoạch y tế.	02	04	4
6	Theo dõi, giám sát trong y tế công cộng.	02	04	4
7	Đánh giá một chương trình hoạt động YTCC.	02	04	4
8	Quản lý nhân lực và thông tin y tế.	02	04	4
9	Quản lý tài chính, tài sản và vật tư y tế.	02		4
10	Quản lý TTYT huyện và quản lý y tế cơ sở.	03	04	6
11	Người cán bộ quản lý lãnh đạo.	02		4
<b>Phần II: Chính sách và luật pháp trong y tế.</b>				
12	Xác định và xây dựng chính sách. Phân tích, đánh giá và điều chỉnh chính sách	03	04	6
13	Ứng dụng PPNC định lượng và định		04	

	tính trong nghiên cứu chính sách YTCC.			
14	Hệ thống chính sách y tế Việt Nam.	02		4
15	Luật bảo vệ sức khoẻ nhân dân, luật khám chữa bệnh, luật BHYT...	03		6
	<b>Tổng thời gian</b>	<b>30</b>	<b>45</b>	<b>60</b>

### **Phương pháp giảng**

1. Thuyết trình ngắn
2. Nghiên cứu trường hợp
3. Thảo luận nhóm
4. Bài tập

### **Phương pháp lượng giá:**

1. Test trắc nghiệm
2. Bài tập lượng giá

### **Tài liệu học tập**

Bài giảng quản lý và chính sách y tế

### **Tài liệu tham khảo**

1. Tổ chức và Quản lý y tế, Chủ biên: GS.TS Trương Việt Dũng, TS. Nguyễn Duy Luật, 2011.
2. Quản lý Y tế, Chủ biên: TS. Dương Huy Liệu, PGS.TS Trương Việt Dũng(2006).
3. Quản lý y tế công cộng trong thảm họa, Chủ biên: TS. Hà Văn Như(2011)
4. Quản lý y tế, TS. Dương Huy Liệu, PGS.TS Trương Việt Dũng(2006)
5. Bài giảng quản lý chính sách y tế, PGS.TS Trương Việt Dũng, TS. Nguyễn Duy Luật, 2002.
6. Báo cáo chuyên đề: Thực trạng các mục tiêu y tế quốc gia ( điều tra y tế quốc gia 2001-2002), Bộ Y tế- Tổng cục thống kê (2003).

7. Báo cáo chuyên đề: Đánh giá hiệu quả sử dụng dịch vụ y tế ( điều tra y tế quốc gia 2001-2002), Bộ Y tế- Tổng cục thống kê (2003).
8. Kế hoạch hoạt động của ngành y tế trong khuôn khổ chiến lược tăng trưởng toàn diện và xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2006 -2010, Nguyễn Đình Thường, Hoàng Kim Hà và cộng sự, (2007).
9. Các giải pháp chính sách y tế cho người nghèo, Dương Huy Liệu, Nguyễn Hoàng Long (2006).
10. Tài chính y tế từ góc độ gia đình và người sử dụng dịch vụ y tế, Dương Huy Liệu, Nguyễn Quang Ân, Nguyễn Hoàng Long, Sarah Bales, Nguyễn Văn Vững (2006).
11. Định hướng chính sách tài chính y tế tổng thể tại Việt Nam, Dương Huy Liệu, Nguyễn Hoàng Long, 2007
12. Phát triển nhân lực y tế ở tuyến tỉnh, GS. Trương Việt Dũng, ThS. Phí Văn Thâm (2010).
13. Quản Lý bệnh viện, PGS. TS Lê Ngọc Trọng (2001)
14. Experiences with primary health care in Zambia / Kasonde, Joseph M.. - Geneva : WHO, 1994. - 118p. ; 19 cm
15. Health for community dwelling older people: Trends, Inequalities, Needs and care in rural Vietnam / Le Van Hoi. - Sweden : Umea University, 2011. - 85p. ; 24cm
16. Health Promotion and community action for health in developing countries / Dhillon, H.S.. - Geneva : WHO, 1994. - 122p. ; 19 cm
17. Healthcare quality&productivity / Kirk, Roey. - America : Aspen, 1988. - 119p. ; 19 cm



**Đề cương môn học:**  
**THỰC HÀNH CỘNG ĐỒNG ĐỢT 1**

**1. Mã số:** YHTC1.511

**2. Số tín chỉ:** 2                      LT: 0                      TH: 2

**3. Số tiết học:** 60                      LT: 0                      TH: 60

**4. Số lần kiểm tra**                      1                      Thi hết môn    1                      Điểm môn học 1

**5. Số chứng chỉ:**                      1

**6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:**

Khoa Y tế công cộng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

**Cán bộ giảng dạy:**

1. PGS.TS. Dương Thị Hương, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
2. PGS.TS. Phạm Minh Khuê, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
3. ThS. Nguyễn Thị Thắm, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
4. ThS. Hoàng Thị Giang, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**7. Mô tả học phần:**

Nghiện chất và các bệnh lây nhiễm qua đường máu là một vấn đề sức khỏe cộng đồng. Dự phòng giảm hại và phối hợp điều trị HIV là biện pháp hữu hiệu trong kiểm soát dịch HIV. Điều trị nghiện chích chất dạng thuốc phiện bằng Methadone là biện pháp hữu hiệu. Hiện nay Các mô hình cai nghiện hiện nay đang áp dụng bao gồm cả cai nghiện tập trung, cai nghiện tại cộng đồng và sử dụng MMT điều trị nghiện thay thế tại các phòng khám Methadone

**8. Mục tiêu học phần:** Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

**Mục tiêu cụ thể:**

ứng dụng được các nguyên lý đã học từ các môn học: dịch tễ học, các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe, quản lý y tế và chính sách y tế, kinh tế y tế, thống kê y sinh vào một vấn đề quản lý sức khỏe tại cộng đồng với một vấn đề cụ thể là quản lý và điều trị một bệnh mạn tính (nghiện chất) tại cộng đồng

1. Mô tả công tác điều trị, quản lý, chăm sóc bệnh nhân tại cộng đồng.

2. Xác định các vấn đề bệnh phổi hợp phổ biến trong cộng đồng này
3. Đề xuất được các can thiệp quản lý bệnh nhân và tăng cường hiệu quả điều trị

**Mục tiêu kiến thức:**

1. Mô tả được các mô hình cai nghiện đang áp dụng hiện nay
2. Trình bày tiêu chuẩn điều trị nghiện chích ma túy dạng thuốc phiện, quản lý, theo dõi bệnh nhân
3. Trình bày những rối loạn tâm thần hay gặp ở nhóm đối tượng khách hàng và biện pháp điều trị

**Mục tiêu kỹ năng**

Chỉ định và tư vấn bệnh nhân điều trị MMT

**Mục tiêu thái độ:**

Nghiện chất là một bệnh mãn tính của não bộ cần được điều trị và hỗ trợ lâu dài

**9. Thời gian đào tạo: 2 TC (= 1 tháng đi thực tế cộng đồng)**

**Thực địa:** Tại cộng đồng kết hợp với:

- + Trung tâm y tế quận huyện
- + Trung tâm y tế dự phòng tỉnh

**9. Nội dung và phân bố thời gian:**

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Thầy nhắc lại một số kiến thức chính để giúp học viên xây dựng khái quát đề cương với sự tham gia của cán bộ y tế địa phương.	1 ngày đầu.
2	Sinh viên xuống thực địa: + Thu thập , tính toán các chỉ số sức khỏe dựa trên số liệu sẵn có. + Điều tra thu thập thông tin bổ sung. + Phân tích để xác định nhu cầu lựa chọn ưu tiên.	15 ngày tiếp

3	Xử lý số liệu, phân tích, viết báo cáo.	4 ngày cuối
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20 ngày</b>

### **10. Tài liệu giảng dạy:**

1. Nghiện chất và HIV - Tài liệu giảng dạy của Khoa y tế công cộng
2. Dịch tễ học - Tài liệu giảng dạy của Khoa y tế công cộng
3. Quản lý y tế và chính sách y tế - Tài liệu giảng dạy của Trường đại học y dược Hải Phòng
4. Kinh tế y tế \_ Tài liệu giảng dạy của Khoa y tế công cộng

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Bài giảng HIV/AIDS, ma túy và rượu, PGS.TS. Phạm Văn Thức, TS.BS. Nguyễn Văn Hùng (2010).
2. Chấm dứt dịch HIV ở người tiêm chích ma túy - Đi tìm câu trả lời, Khuất Thị Hải Oanh
3. Hướng dẫn điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone và hướng dẫn tổ chức thực hiện.. - H. : Y học, 2008. - 102 tr. ;

### **11. Phương pháp**

1. Phân nhóm: mỗi nhóm khoảng 5 học viên.
2. Học viên chọn vấn đề cho nhóm với sự hướng dẫn của thầy. Nội dung thực hành tại thực địa xuất phát từ mục tiêu học tập kết hợp với nhu cầu của trung tâm y tế quận huyện hay trung tâm y học dự phòng.
3. Phát triển kế hoạch học tập thực địa.
4. Tiến hành thực hiện kế hoạch đã phát triển tại thực địa.
5. Thảo luận nhóm và thảo luận với cộng đồng.
6. Xử lý số liệu, phân tích, viết báo cáo.

### **12. Phương pháp lượng giá:**

- |                            |                        |     |              |
|----------------------------|------------------------|-----|--------------|
| 12.1. Điểm thực hành:      | Bài báo cáo thực hành: | 01  | Trọng số 0,3 |
| 12.2. Bài thi vấn đáp theo | Bài tập tình huống     | 01  | Trọng số 0,7 |
|                            | Điểm môn học           | 01. |              |

**Tổng trọng số 1,0**

## C. CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH

### Đề cương môn học: DINH DƯỠNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Mã số: YHDA.512

2. Số tín chỉ: 3                      LT: 2                      TH: 1

3. Số tiết học: 60                      LT: 30                      TH: 30

4. Số lần kiểm tra 2                      Thi hết môn 1                      Điểm môn học 1

5. Số chứng chỉ: 1

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Dinh Dưỡng và an toàn thực phẩm, Khoa Y tế Công cộng, Đại học Y Dược Hải Phòng

#### Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Phạm Văn Hán, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
2. PGS. TS. Nguyễn Đỗ Huy, Viện Dinh dưỡng Quốc Gia
3. PGS. TS. Trương Tuyết Mai, Viện Dinh dưỡng Quốc Gia.
4. ThS. Nguyễn Thị Thắm, Trưởng bộ môn Dinh dưỡng & ATTP, khoa Y tế công cộng, trường Đại học Y dược Hải Phòng

#### 7. Mô tả học phần

Dinh dưỡng và thực phẩm có vai trò quan trọng với sức khỏe, bệnh tật và tuổi thọ của con người. Dinh dưỡng hợp lý và sử dụng thực phẩm an toàn giúp cho cá nhân, tập thể và cộng đồng có sức khỏe tốt, phòng bệnh, điều trị bệnh, nâng cao chất lượng cuộc sống, tuổi thọ, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Ngược lại, sẽ tác động không tốt đến sức khỏe, mắc các bệnh có nguyên nhân dinh dưỡng và tăng nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến dinh dưỡng và thực phẩm như: rối loạn chuyển hóa, bệnh tim mạch, ung thư, bệnh truyền qua thực phẩm, các ngộ độc cấp tính và mạn tính....

8. Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

#### Mục tiêu kiến thức

1. Xác định được mối liên quan giữa dinh dưỡng, thực phẩm và sức khỏe.

2. Trình bày được vai trò và nhu cầu các chất trong dinh dưỡng người, dinh dưỡng hợp lý cho các đối tượng
3. Trình bày được các nguyên nhân ngộ độc thức ăn và bệnh truyền qua thực phẩm
4. Trình bày được nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ, phân loại, biện pháp phòng chống và kiểm soát các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng
5. Trình bày được phân loại ngộ độc thức ăn và biện pháp phòng chống các bệnh lây truyền qua thực phẩm

### **Mục tiêu kỹ năng**

1. Đánh giá được các vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng và vệ sinh an toàn thực phẩm.
2. Xây dựng được các biện pháp can thiệp dinh dưỡng và đảm bảo an toàn thực phẩm.
3. Lập được kế hoạch giáo dục truyền thông dinh dưỡng và vệ sinh thực phẩm ở các tuyến tỉnh huyện và cộng đồng.

### **Mục tiêu thái độ**

Thái độ đúng đắn đối với các vấn đề dinh dưỡng và thực phẩm.

## **9. Nội dung**

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	<b>Tự học</b>
1.	Các khái niệm cơ bản về dinh dưỡng:			
	- Dinh dưỡng và sức khỏe.	1		2
	- Vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng	1	1	2
	- Dinh dưỡng cho các đối tượng	2	3	4
	- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng	1	4	2

2.	Các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng	4	6	8
	- Suy dinh dưỡng protein năng lượng, vitamin A, Fe, Zn	4	6	8
	- Mối liên quan giữa dinh dưỡng và các bệnh mạn tính			
3.	Dinh dưỡng can thiệp			
	- Các hoạt động chăm sóc dinh dưỡng ở cộng đồng	1	2	2
	- Lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng	3	6	6
4.	Truyền thông dinh dưỡng			
	- Giáo dục dinh dưỡng	1	2	2
	- Xây dựng kế hoạch truyền thông dinh dưỡng	2	4	4
5.	Giám sát dinh dưỡng			
	- Khái niệm, mục tiêu và các chỉ tiêu	1	2	2
	- Hệ thống giám sát	2	4	4
6.	Vệ sinh an toàn thực phẩm			
	- Ô nhiễm thực phẩm	1		2
	- Ngộ độc thực phẩm và bệnh lây truyền qua thực phẩm	2	2	4
	- Thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm	2	4	4
	- Hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm (GMP, GHP, HACCP)	2	4	4
	<b>Tổng:</b>	<b>30</b>	<b>45</b>	<b>60</b>

## 10. Tài liệu giảng dạy

- Trường Đại học Y Hải Phòng. Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học (2012)

### ***Tài liệu tham khảo:***

- Trường Đại học Y Hà Nội, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học, 2012
- Viện Dinh dưỡng. Giá trị dinh dưỡng 500 món ăn thông dụng, 2017
- Lê Thị Hợp, Hà Huy Khôi. Dinh dưỡng và tăng trưởng của người Việt Nam. Nhà xuất bản Y học. 2010.
- Hà Huy Khôi, Lê Thị Hợp. Phương pháp dịch tễ học dinh dưỡng. Nhà xuất bản Y học, 2012.
- Viện Dinh dưỡng. Tổng điều tra dinh dưỡng 2009 -2010. Nhà Xuất bản Y học, 2010
- Tình hình dinh dưỡng và chiến lược can thiệp ở Việt Nam, Viện Dinh dưỡng, 2007
- Một số vấn đề dinh dưỡng cộng đồng ở Việt Nam, GS. Hà Huy Khôi, 2006
- Nutrition surveillance 2010 Vietnam Nutrition Profile 2010, Viện dinh dưỡng, 2010
- Tạp chí dinh dưỡng và thực phẩm tập 13 số 2 tháng 5/2017, Hội Dinh dưỡng Việt Nam năm 2017

### **11. Phương pháp dạy học:**

11.1. Phương pháp dạy/học : Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

11.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, giấy A4, bút dạ, máy chiếu projector, các thanh công cụ

### **12. Phương pháp đánh giá.**

12.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.

2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi MCQ

3. Thi vấn đáp

12.2. Cách tính điểm học phần:

1. Số lần kiểm tra:	- Lí thuyết:	1	Trọng số	0,3
	- Thực hành :	1		
2. Số lần thi hết môn:	- Lí thuyết:	1	Trọng số	0,7
	- Thực hành :	1		
	<b>Tổng trọng số</b>	<b>1,0</b>		



**Đề cương môn học:**  
**SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG - SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP**

**1. Mã số:** YHMN.513

**2. Số tín chỉ:** 4            LT: 2            TH: 2

**3. Số tiết học:** 90            LT: 30            TH: 60

**4. Số lần kiểm tra:** 2            Thi hết môn 2            Điểm môn học 1

**5. Số chứng chỉ:** 1

**I. Phần Sức khỏe nghề nghiệp:**

**1. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:** Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y Dược Hải Phòng

**Cán bộ giảng dạy:**

1. PGS.TS. Phạm Minh Khuê, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
2. PGS.TS Dương Thị Hương, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
3. TS. Nguyễn Văn Sơn, Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường
4. TS. Lê Thị Thanh Xuân, Trường đại học Y Hà Nội

**2. Mô tả học phần:**

Người lao động luôn có nguy cơ phơi nhiễm với nhiều yếu tố tác hại nghề nghiệp trong môi trường lao động, ảnh hưởng không chỉ đến sức khỏe người lao động mà còn gây tốn kém chi phí điều trị và giảm năng suất lao động. Việc thực hiện đánh giá các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động, áp dụng các biện pháp dự phòng sớm nhằm khống chế các yếu tố nguy cơ đó có vai trò rất quan trọng trong dự phòng sớm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, cải thiện sức khỏe và nâng cao năng suất lao động.

**3. Mục tiêu học phần:** Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

**Mục tiêu kiến thức:**

1. Mô tả được chức năng, nhiệm vụ của khoa học sức khỏe nghề nghiệp, vận dụng được các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động để đánh giá môi trường lao động.

2. Trình bày được ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động tới sức khoẻ và an toàn của người lao động.
3. Xác định được các yếu tố nguy cơ tác hại nghề nghiệp trong quá trình lao động.

**Mục tiêu kỹ năng:**

1. Đề xuất được các giải pháp phòng chống thích hợp nhằm bảo vệ sức khoẻ và phòng chống tai nạn lao động nâng cao hiệu quả sản xuất.
2. Áp dụng được kỹ thuật thống kê và dịch tễ học trong công tác về sức khoẻ

**Mục tiêu thái độ:**

Có thái độ nghiêm túc trong đề xuất và áp dụng các giải pháp nhằm bảo vệ sức khoẻ, phòng chống tai nạn lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất.

**4.Nội dung:**

STT	Tên bài giảng	Số tiết LT/TH	Tự học
1	<p><b>Mục tiêu nội dung hoạt động sức khoẻ nghề nghiệp</b></p> <p>1.1. Công tác chăm sóc sức khoẻ người lao động</p> <p>1.2. Bộ luật LĐ, tiêu chuẩn nhà nước về vệ sinh an toàn lao động</p>	1/2	2
2	<p><b>Các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động</b></p> <p>6.1. Ảnh hưởng các yếu tố tác hại nghề nghiệp tới sức khoẻ.</p> <p>6.2. Phương pháp đánh giá và biện pháp khống chế các yếu tố nguy cơ.</p>	2/2	4

3	<p><b>Đánh giá và khống chế các yếu tố môi trường lao động về mặt lý học</b></p> <p>3.1. Những biến đổi sinh lý, bệnh lý.</p> <p>3.2. Phương pháp đánh giá và biện pháp khống chế.</p>	2/4	4
4	<p><b>Đánh giá và khống chế các yếu tố môi trường lao động về mặt lý học: Bụi trong sản xuất</b></p> <p>4.1. Đại cương về bụi. Bệnh bụi phổi Silic.</p> <p>4.2. Tác hại của các yếu tố lý hoá trong môi trường lao động lên sức khoẻ.</p> <p>4.3. Phương pháp đánh giá và biện pháp khống chế.</p>	2/4	4
5	<p><b>Đánh giá và khống chế các yếu tố môi trường lao động về mặt hoá học:</b></p> <p>4.1. Đại cương về độc chất học trong công nghiệp, nhiễm độc chì</p> <p>4.2. Tác hại của các yếu tố hoá học lên sức khoẻ</p> <p>4.3. Ảnh hưởng của các yếu tố hoá học lên môi trường lao động</p> <p>4.4. Phương pháp đánh giá và biện pháp khống chế</p>	1/2	2
6	<p><b>Đánh giá và khống chế các yếu tố môi trường lao động về mặt sinh học</b></p> <p>6.1. Viêm gan nghề nghiệp: Nguy cơ lây nhiễm, chẩn đoán, biện pháp dự phòng.</p> <p>6.2. Lao: Nguy cơ lây nhiễm, chẩn đoán, biện pháp dự phòng.</p> <p>6.3. HIV/AIDS: Nguy cơ lây nhiễm, chẩn đoán, biện pháp dự phòng.</p> <p>6.4. Leptospirose: Nguy cơ lây nhiễm, chẩn đoán, biện pháp dự phòng.</p>	2/4	4

7	<b>Vệ sinh lao động nông nghiệp và an toàn HCBVTV</b> 7.1. Những yếu tố tác hại nghề nghiệp trong lao động nông nghiệp. 7.2. Ảnh hưởng của hoá chất bảo vệ thực vật lên sức khoẻ 7.3. Biện pháp khống chế	1/2	2
8	<b>Công tác vệ sinh an toàn lao động</b> An toàn lao động: Các yếu tố nguy cơ và biện pháp khống chế	2/4	4
9	<b>Giám sát môi trường và tình trạng sức khoẻ công nhân</b> 9.1. Nguyên lý giám sát môi trường lao động 9.2. Phát hiện sớm rối loạn tình trạng sức khoẻ 9.3. Các phương pháp đánh giá và biện pháp khống chế	1/2	2
10	<b>Ứng dụng DTH trong nghiên cứu thuộc lĩnh vực sức khoẻ nghề nghiệp</b> Thiết kế nghiên cứu trong lĩnh vực sức khoẻ nghề nghiệp	1/2	2
<b>Tổng số thời gian LT/TH</b>		<b>15/30</b>	<b>60</b>

### 5. Tài liệu giảng dạy

1. Sức khoẻ nghề nghiệp. Đại học Y Hải Phòng. NXB Y học 2002 (Giáo trình sau đại học)
2. Sức khoẻ nghề nghiệp. Đại học Y Hải Phòng. NXB Y học 2012 (Giáo trình Bác sỹ y học dự phòng).
3. Bệnh nghề nghiệp, Tập 1,2 - NXB Y học 1992.

### ***Tài liệu tham khảo:***

1. Sức khỏe nghề nghiệp, Chủ biên: PGS.TS Bùi Thanh Tâm, ThS. Nguyễn Thụy Quỳnh, 2011
2. Sức khỏe Nghề nghiệp, Trường Đại học Y Hà Nội, 2012
3. Thực tập Sức Khỏe Nghề Nghiệp ( Giáo trình đào tạo bác sỹ Y học dự phòng), Trường Đại học Y Hà Nội 2012.
4. Sức Khỏe Nghề Nghiệp ( đào tạo Đại học và Chuyên khoa I Y tế cộng đồng), ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh, PGS.TS Bùi Thanh Tâm, 2008
5. Hướng dẫn chuẩn đoán và giám định bệnh da nghề nghiệp, TS. Nguyễn Văn Sơn, 2017
6. Y học môi trường và lao động, GS.TSKH. Nguyễn Mạnh Liên, 2006
7. Tóm tắt báo cáo: Hội nghị khoa học y học lao động toàn quốc lần thứ ba, Bộ Y tế, 1998
8. Sức khỏe nghề nghiệp (vệ sinh lao động) - Tập 2, GS.TS. Đào Ngọc Phong TS. Nguyễn Hữu Chính, 2002
9. Environmental and occupational medicine / Rom N. William. - Second edition. - Boston : Little, 1992. - 1493p. ; 21cm.

### **II. Phần Sức khỏe Môi trường:**

**1. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:** Bộ môn Sức khỏe môi trường - Khoa y tế công cộng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

#### **Cán bộ giảng dạy:**

1. PGS. TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
2. ThS. Nguyễn Minh Ngọc, Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
3. ThS. Nguyễn Quang Đức, Khoa Y tế công cộng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

## 2. Mô tả học phần:

Học viên nắm được các kiến thức về môi trường, nguồn ô nhiễm và ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe.

## 3. Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được các nguyên lý sinh thái học liên quan tới sức khoẻ cộng đồng.
2. Phát hiện được các vấn đề sức khoẻ môi trường trong cộng đồng và đề xuất những giải pháp phòng chống ô nhiễm và nâng cao sức khoẻ cộng đồng.
3. Trình bày được các nguyên lý cơ bản của dịch tễ học môi trường.
4. Thiết kế và thực hiện được một nghiên cứu sức khoẻ môi trường.

## Mục tiêu kiến thức:

Phát hiện vấn đề, lựa chọn được vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp đo lường nguy cơ, phơi nhiễm và liều đáp ứng phù hợp

## Mục tiêu kỹ năng:

Thiết kế được một nghiên cứu phù hợp vấn đề sức khoẻ môi trường

## Mục tiêu thái độ:

Môi trường ô nhiễm có thể kiểm soát được và dự phòng sự ảnh hưởng của nó đối với sức khỏe

## 4. Nội dung:

### Tự học các phần cơ bản giảng trong chương trình địa học

STT	Tên chuyên đề, bài giảng	Giảng ở bậc cao học		Tự học
		LT	TH	
1	Ô nhiễm không khí và sức khoẻ cộng đồng	1	2	4
2	Ô nhiễm đất và sức khoẻ cộng đồng	1	2	4
3	Ô nhiễm nước và sức khoẻ cộng đồng	1	2	4

4	Ô nhiễm nội thất và sức khỏe, vệ sinh nhà ở cho các vùng sinh thái khác nhau.	1	2	4
5	Vệ sinh quy hoạch đô thị, những vấn đề và giải pháp từ nay đến năm 2000 và 2010.	2	4	8
6	Đánh giá nguy cơ và kiểm soát các chất thải nguy hiểm	4	8	16
7	Dịch tễ học môi trường	2	4	8
8	Thiết kế một nghiên cứu sức khỏe môi trường	3	6	12
<b>Tổng thời gian</b>		<b>15</b>	<b>30</b>	<b>45</b>

## 5. Tài liệu học tập

- Trường đại học y Hải Phòng, (2012), Sức khỏe môi trường, NXB Y học (Tài liệu dùng cho bác sĩ y học dự phòng)
- Trường đại học y Hải Phòng, Sức khỏe môi trường, NXB y học (giáo trình sau đại học)
- Tài liệu phát tay Môn nghiên cứu sức khỏe cộng đồng dùng cho đối tượng đào tạo sau đại học - Khoa y tế công cộng - 2012,2016

## 6. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Y Hải Phòng (2012), Sức khỏe môi trường, NXB Y học (Tài liệu dùng cho bác sĩ Y học dự phòng)
2. Một Sức Khỏe trong Y học dự phòng và Y tế công cộng, Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Đức Hình, PGS.TS Lê Thị Hương, 2014
2. Tiếp cận hệ sinh thái đối với Sức khỏe ( Ecohealth), TS. Nguyễn Việt Hùng, TS. Trần Thị Tuyết Hạnh, 2016
3. Bài giảng khoa học môi trường, GS. TS Đào Ngọc Phong, 1997
4. Y học môi trường và lao động, GS.TSKH. Nguyễn Mạnh Liên, 2006

5. Khoa học môi trường và sức khỏe môi trường, PGS.TS Nguyễn Thị Thu, 2007
6. Tác động của thuốc bảo vệ thực vật dùng trong nông nghiệp đến sức khỏe cộng đồng / Tổ chức y tế thế giới hợp tác với chương trình môi trường liên hiệp quốc. - H. : Y học, 1997. - 205tr. ; 21cm
7. Công nghệ môi trường / Lâm Minh Triết. - H. : Y học, 1998. - 310 tr.;24 cm
8. Sức khỏe môi trường : Sách đào tạo bác sỹ y học dự phòng / Phạm Văn Hán. – H. : Y học, 2012. - 257 tr. : minh họa ; 29 cm
9. Sức khỏe môi trường T1 / Đào Ngọc Phong, Nguyễn Hữu Chính. - H. : Y học, 2002. - 323 tr. ; 27 cm.
10. Vệ sinh môi trường Dịch tễ tập 1, Nhà xuất bản Y học 2001.

## **7. Phương pháp dạy học**

7.1. Phương pháp dạy/học : áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

7.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead, tủ an toàn sinh học, các vật liệu bảo hộ cá nhân, tủ hút hóa chất, các dụng cụ phòng xét nghiệm cơ bản.

## **8. Phương pháp đánh giá**

8.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

Thi lý thuyết truyền thống.

8.2. Cách tính điểm học phần:

1. Số lần kiểm tra:	- Lí thuyết:	1	Trọng số	0,3
	- Thực hành :	1		
2. Số lần thi hết môn:	- Lí thuyết:	1	Trọng số	0,7
	<b>Tổng trọng số</b>	<b>1,0</b>		



**Đề cương môn học:**  
**SỨC KHỎE TÂM THẦN - SỨC KHỎE SINH SẢN**

**1. Mã số:** YHST.514

**2. Số tín chỉ:** 2                    LT: 2                    TH: 0

**3. Số tiết học:** 30                    LT: 30                    TH: 0

**4. Số lần kiểm tra**                    0                    Thi hết môn 1                    Điểm môn học 1

**5. Số chứng chỉ:** 1

**Phần I: Sức khỏe tâm thần**

**1. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:** Khoa Y tế công cộng và Bộ môn Tâm thần - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**Cán bộ giảng dạy:**

1. PGS. TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
2. PGS.TS. Phạm Văn Mạnh –Bộ môn Tâm thần -Trường đại học Ydược Hải Phòng.

**2. Mô tả học phần:**

Học viên nắm được các kiến thức về sức khỏe tâm thần, các bệnh tâm thần có thể sàng lọc phát hiện sớm, quản lý bệnh tại cộng đồng

**3. Mục tiêu học phần:** Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần (sinh học, tâm lý xã hội, môi trường...)
2. Thực hiện được việc phát hiện sớm các rối loạn tâm thần thường gặp ở cộng đồng.
3. Đề ra được các giải pháp can thiệp đúng và có hiệu quả đối với các rối loạn tâm thần liên quan đến sức khỏe xã hội.

**Mục tiêu kiến thức:**

Phát hiện rối loạn tâm thần, can thiệp tâm lý và thuốc điều trị

### Mục tiêu kỹ năng:

Thiết kế được một nghiên cứu phù hợp sàng lọc và can thiệp hiệu quả quản lý sức khỏe tâm thần tại cộng đồng

### Mục tiêu thái độ:

Bệnh lý tâm thần có thể dự phòng được. Cần rèn luyện sức khỏe tâm thần lành mạnh, sống tích cực

### 4. Nội dung.

STT	Tên chuyên đề, bài giảng	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Khái niệm về sức khỏe tâm thần và phân loại các rối loạn tâm thần theo ICD-10 - Mối liên quan SKTT-SKXH và SKCT - Các mục tiêu SKTT cộng đồng	4	4
2	Các nguyên nhân gây ra các RLTT - Các quan niệm về bệnh nguyên các rối loạn tâm thần. - Bệnh cơ thể và tổn thương não gây RLTT. - Các nhân tố Stress (môi trường tự nhiên, yếu tố TL, yếu tố xã hội...) - Bệnh tâm thần nội sinh - Các nguyên tắc can thiệp dự phòng	4	4
3	Giới thiệu một số bệnh tâm thần nặng (tâm thần phân liệt, rối loạn cảm xúc lưỡng cực, trầm cảm) Dịch tễ học các bệnh loạn tâm thần. - Thái độ gia đình, cộng đồng đối với người bệnh. - Các nhân tố để phát hiện sớm và can thiệp sớm tại cộng đồng. - Vấn đề quản lý phục hồi chức năng và nâng cao chất lượng cuộc sống bệnh nhân.	6	6

4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch tễ các rối loạn liên quan tới stress</li> <li>- Vai trò của Stress trong cơ chế bệnh sinh</li> <li>- Vai trò nhân cách, cơ thể, môi trường</li> <li>- Nguyên tắc điều trị và dự phòng</li> </ul>	4	4
5	<p>Các vấn đề sức khỏe liên quan tới lạm dụng rượu và ma túy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nguyên nhân dẫn tới lạm dụng rượu, ma túy.</li> <li>- Tác hại của lạm dụng rượu, ma túy</li> <li>- Cơ chế gây nghiện, hội chứng nghiện, hội chứng cai...</li> <li>- Các phương thức điều trị và dự phòng</li> </ul>	4	4
6	<p>Các rối loạn hành vi ở TTN</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch tễ học các rối loạn hành vi ở tuổi thanh niên.</li> <li>- Các nhân tố căn nguyên (Tổ bảm, giáo dục, gia đình, xã hội,...)</li> <li>- Giới thiệu một số hình thái lâm sàng thường gặp.</li> <li>- Nguyên tắc dự phòng và điều trị.</li> </ul>	4	4
7	<p>Tổ chức chăm sóc SKTT tại cộng đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Tổ chức chăm sóc phục hồi chức năng bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng.</li> <li>-Các nguyên tắc tổ chức chăm sóc SKTT tại cộng đồng</li> <li>-Giới thiệu các phương thức chăm sóc SKTT hiện nay</li> <li>-Hệ thống chăm sóc sức khỏe tâm thần hiện nay ở Việt Nam.</li> <li>-Vấn đề lồng ghép với các chuyên khoa khác</li> </ul>	4	4

	trong chăm sóc SKTT ở cộng đồng, trong CSSK tâm thần. - Vấn đề xã hội hoá công tác CSSKTT		
<b>Tổng</b>		<b>15</b>	<b>30</b>

## 5. Tài liệu học tập

Tài liệu phát tay môn sức khỏe sinh sản và sức khỏe tâm thần dành cho đối tượng sau đại học, Khoa y tế công cộng

## 6. Tài liệu tham khảo

1. Sức khoẻ lứa tuổi (Sách dành cho sinh viên Đại học và Sau Đại học), PGS.TS Đào Ngọc Phong, 2004
2. Tâm thần học (Sách giáo khoa - Bộ môn Tâm thần)
3. CIM-10: Classification statistique internationale des maladies et des problèmes de santé connexes: Volume 1. - Geneva : World Health Organization, 1993. - 1335p. ; 27cm.

## Phần II: Sức khỏe sinh sản

**1. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:** Khoa Y tế công cộng và Bộ môn Sản Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

### Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
2. PGS.TS. Nguyễn Văn Học – Bộ môn Sản -Trường đại học Ydược Hải Phòng.

### 2. Mô tả học phần:

Học viên nắm được các kiến thức về sức khỏe sinh sản, các bệnh sản, phụ khoa có thể sàng lọc phát hiện sớm, quản lý bệnh tại cộng đồng

**3. Mục tiêu học phần:** Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được một số khái niệm cơ bản về sức khỏe sinh sản.
2. Trình bày được 10 nội dung cơ bản của sức khỏe sinh sản

3. Thực hiện được công tác thông tin - giáo dục - truyền thông và tư vấn về sức khỏe sinh sản trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.
4. ứng dụng được các nội dung về sức khỏe sinh sản trong khi giải quyết các vấn đề của chăm sóc sức khỏe ban đầu
5. Đề ra được các giải pháp can thiệp đúng và có hiệu quả đối với các rối loạn tâm thần liên quan đến sức khỏe xã hội.

**Mục tiêu kiến thức:**

Phát hiện về sức khỏe sinh sản, sàng lọc phát hiện sớm và quản lý tại cộng đồng

**Mục tiêu kỹ năng:**

Thiết kế được một nghiên cứu phù hợp sàng lọc và can thiệp hiệu quả quản lý sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.

**Mục tiêu thái độ:**

Các bệnh sản và phụ khoa có thể dự phòng. Cần khám sàng lọc và phát hiện sớm bệnh và chăm sóc tại cộng đồng

**4. Nội dung**

STT	Tên bài giảng	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Những khái niệm cơ bản về sức khỏe sinh sản. -Định nghĩa SKSS, giới tính, giới, tình dục, quyền sinh sản -Các vấn đề nổi cộm về SKSS ở thế giới, vùng, Việt Nam.	1	
3	Kế hoạch hoá gia đình và sức khỏe BMTE -Ưu nhược điểm của các BPTT -Các nguyên tắc chính của KHHGD -Lợi ích của KHHGD và SKBMTE -Mối quan hệ giữa tỷ lệ tử vong của BMTE và các	2	2

	<p>yếu tố nguy cơ cao của tuổi mẹ, số lần sinh, khoảng cách sinh</p> <p>-So sánh nguy cơ tử vong do thai nghén và sinh đẻ với nguy cơ tử vong do dùng BPTT</p> <p>-Chất lượng các dịch vụ KHHGD</p>		
4	<p>Chăm sóc sức khỏe bà mẹ</p> <p>-Tình hình bệnh tật tử vong</p> <p>-Các yếu tố ảnh hưởng đến SKBM</p> <p>- Các chỉ số đo lường sức khỏe bà mẹ</p> <p>- Những vấn đề cần lưu ý khi chăm sóc bà mẹ mang thai, trước sinh, sau đẻ, sau nạo, sảy thai.</p> <p>- Hệ thống giám sát, quản lý SKBM</p> <p>- Chương trình quốc gia về CSSKBM</p>	2	4
5	<p>Chăm sóc sức khỏe trẻ em</p> <p>-Chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh thông thường ở trẻ em.</p> <p>-Tình hình bệnh tật, tử vong ở trẻ &lt; 1 tuổi và &lt; 5 tuổi</p> <p>-Các yếu tố ảnh hưởng đến SKTE và dự phòng</p> <p>-Những vấn đề cần lưu ý khi chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng.</p> <p>-Các chỉ số đo lường SKTE</p> <p>-Những vấn đề cần lưu ý trong GD-TT – tư vấn về CSSKTE</p> <p>-Hệ thống giám sát và chương trình QG về CSSKTE.</p>	2	4
6	<p>Sức khỏe sinh sản vị thành niên:</p> <p>-Tỷ lệ bệnh tật, tử vong</p>	2	4

	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Các yếu tố ảnh hưởng đến SKSS vị thành niên</li> <li>-Các vấn đề nổi cộm về SKSS vị thành niên TG, vùng, Việt Nam.</li> <li>-Giáo dục giới tính, tình dục học</li> <li>-Chương trình quốc gia</li> </ul>		
7	<p>Sức khoẻ sinh sản ở người cao tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Bệnh tăng huyết áp, loãng xương, ung thư (chẩn đoán, điều trị)</li> <li>-Tỷ lệ bệnh, tử vong ở người cao tuổi do bệnh lý về hệ thống sinh sản (mãn kinh, ung thư vú, ung thư CTC, tiền liệt tuyến), chẩn đoán sàng lọc.</li> <li>-Tình dục ở người cao tuổi</li> <li>-Dự phòng bệnh tật và nâng cao chất lượng sống ở người cao tuổi.</li> </ul>	2	4
8	<p>Các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và đường sinh sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Chẩn đoán và điều trị một số bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và sinh sản thường gặp</li> <li>-Tỷ lệ các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và sinh sản</li> <li>-Nguyên nhân</li> <li>-Hậu quả sinh học, xã hội</li> <li>-Cách dự phòng (phân tích hiệu quả)</li> <li>-Chương trình quốc gia</li> </ul>	2	4
10	<p>Thực hành thông tin-giáo dục-truyền thông và tư vấn về SKSS:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Chiến lược TT-GD -TT về KHHGD</li> <li>- Đối tượng của TT - GD -TT và tư vấn SKSS</li> <li>-Các kênh và phương tiện của TT-GD-TT và tư</li> </ul>	1	4

	vấn SKSS -Thực hành đóng vai về TT - GD -TT - tư vấn về SKSS		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>	<b>30</b>

### 5. Tài liệu học tập.

- Tài liệu học tập môn sức khỏe lứa tuổi dành cho học viên sau đại học, Khoa y tế công cộng
- Sức khỏe lứa tuổi, Trường đại học Y dược Hải Phòng, (giáo trình sau đại học)

### 6. Tài liệu tham khảo.

1. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. - H. : Y học, 2009. - 504tr. ; 27cm.
- 2.Sức khỏe sinh sản / Vương Tiến Hòa. - H. : Y học, 2001. - 259tr. ; 21cm.
- 3.Sức khỏe sinh sản : dùng cho đào tạo cử nhân y tế công cộng. - H. : Giáo dục, 2008. - 147Tr. : 27cm.
- 4.Sức khỏe sinh sản của phụ nữ / Phạm Hồng Hà. - H. : Văn hoá thông tin, 2005. - 380tr. ; 19cm
- 5.Tài liệu đào tạo hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản: Sách dành cho học viên. - H. : Quỹ dân số LHQ, 2007. - 610 tr. ; 29cm.
- 6.Tài liệu đào tạo hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản:đáp án (sách dành cho học viên). - H. : Bộ Y tế - Quỹ dân số LHQ, 2007. - 610 tr. ; 29cm.
- 7.Sức khỏe lứa tuổi, Trường đại học Y Hà Nội, (giáo trình sử dụng cho sinh viên đại học và sau đại học)

### 7.Phương pháp dạy học:

7.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.



7.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead, tủ an toàn sinh học, các vật liệu bảo hộ cá nhân, tủ hút hóa chất, các dụng cụ phòng xét nghiệm cơ bản.

### **8. Phương pháp đánh giá**

- Số lần kiểm tra: 02 lần (kiểm tra giữa học phần) – hình thức kiểm tra: viết
- Số bài thi hết môn học: 01 (sau khi kết thúc môn học – theo lịch nhà trường)
- Hình thức thi hết môn học: thi viết hoặc viết chuyên đề
- Cách tính điểm học phần:  $KT1 \times 0.2 + GK \times 0.3 + Thi \times 0.5$

**Đề cương môn học:**  
**DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH PHỔ BIẾN**

**1. Mã số:** YHDP.515

**2. Số tín chỉ:** 2                    LT: 1                    TH: 1

**3. Số tiết học:** 60                LT: 15                TH: 45

**4. Số lần kiểm tra:**

**5. Số chứng chỉ:** 1

**6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:** Bộ môn Sức khỏe môi trường - Khoa y tế công cộng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**Cán bộ giảng dạy:**

1. PGS. TS. Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng.

2. PGS. TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng.

3. PGS. TS. Phạm Minh Khuê, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng.

4. ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng.

**7. Mục tiêu học phần**

*Sau khi học xong phần này, học viên có khả năng:*

Trình bày được các nguyên lý của quá trình truyền nhiễm, cơ chế truyền nhiễm; phân loại các bệnh truyền nhiễm, nguyên lý phòng chống dịch.

Trình bày được các biện pháp phòng chống những bệnh truyền nhiễm phổ biến.

Trình bày được những đặc điểm dịch tễ học của một số bệnh không lây phổ biến; các yếu tố nguy cơ của một số bệnh không lây phổ biến; phương pháp giám sát một số bệnh không lây phổ biến.

Trình bày được các chiến lược dự phòng một số bệnh không lây phổ biến.

## 8. Mô tả học phần:

Nội dung của môn học bao gồm: nguyên lý cơ bản của nhiễm trùng, truyền nhiễm và quá trình dịch; cơ chế truyền nhiễm, phân loại các bệnh truyền nhiễm và phòng chống dịch, tính miễn dịch, vắc xin trong tiêm chủng; đặc điểm dịch tễ học, quá trình dịch và các biện pháp phòng chống một số bệnh truyền nhiễm phổ biến; đặc điểm dịch tễ, yếu tố nguy cơ và biện pháp phòng chống các bệnh không lây phổ biến tại Việt Nam.

**9. Phân bố thời gian:** Học phần này bao gồm 1 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành. Học viên sẽ học lý thuyết tại giảng đường, thực hành tại giảng đường và tại cộng đồng

## 10. Điều kiện và yêu cầu của học phần:

- Đã học dịch tễ học cơ bản.

## 11. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số tiết		Tự học
		LT	TH	
1	Khái niệm nhiễm trùng và bệnh truyền nhiễm.	1	0	2
2	Quá trình dịch và các yếu tố ảnh hưởng	1	12	2
3	Nguyên lý phòng chống dịch	1	12	2
4	Điều tra và xử lý vụ dịch	1	12	2
5	Giám sát dịch tễ học	1	9	2
6	Các bệnh truyền nhiễm đường máu: Sốt xuất huyết, viêm não nhật bản.	2	0	4
7	Các bệnh truyền nhiễm đường hô hấp: Sởi, bạch hầu.	2	0	4
8	Các bệnh truyền nhiễm đường tiêu hoá: tả, thương hàn, lỵ, viêm gan A.	2	0	4

9	Các bệnh truyền nhiễm đường da và niêm mạc: HIV, viêm gan virus, các bệnh lây theo đường tình dục, nấm.	2	0	4
10	Dịch tễ học các bệnh không lây phổ biến	2	0	4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>	<b>45</b>	<b>30</b>

**12. Phương pháp giảng:** Thuyết trình ngắn, thảo luận tại chỗ, thảo luận nhóm, thực hành cộng đồng.

**13. Vật liệu giảng dạy:** Máy chiếu, máy vi tính, phấn, bảng, tình huống và cơ sở thực hành

**14. Đánh giá:**

- Số bài kiểm tra: Điểm kiểm tra thường xuyên: Bài tập; điểm thi giữa kỳ hệ số 2: Kết quả thực hành; thi hết học phần: bản báo cáo về về chẩn đoán cộng đồng
- Cách tính điểm học phần:  $KT1 \times 0.2 + GK \times 0.3 + Thi \times 0.5$

**15. Tài liệu học tập, tham khảo**

*Tài liệu học tập:*

- tài liệu phát tay của bộ môn.

*Tài liệu tham khảo*

- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội. 2014.
- Tổ chức Y tế thế giới - Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, WHO, 2009, Nhà xuất bản Y học, 2009.
- Vệ sinh môi trường dịch tễ tập 2, Bộ môn Vệ sinh Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học 1998.
- Vệ sinh dịch tễ tập 2, Bộ môn Vệ sinh Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học 1993.

- Bộ Y tế - Cục Y tế dự phòng (2011), Nghị định qui định chi tiết thi hành một số điều của luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm và kiểm dịch y tế biên giới
- Bộ Y tế, Cục y tế dự phòng và môi trường (2009), Cẩm nang phòng chống bệnh truyền nhiễm - Hà Nội, 2009
- Bộ Y tế - Cục y tế dự phòng (2011), Sổ tay kiểm dịch y tế biên giới, Hà Nội, 2011

**Đề cương môn học:  
Thực hành cộng đồng đợt II**

**1. Mã số:** YHCĐ2. 516

**2. Số tín chỉ:** 3            LT: 3            TH: 0

**3. Số tiết học:** 45            LT: 45            TH: 0

**4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** Đơn vị giảng dạy thực địa, trường đại học Y dược Hải Phòng.

1. PGS. TS. Dương Thị Hương – Khoa Y tế công cộng Trường ĐHYD Hải Phòng.
2. Ths . Nguyễn Thị Thắm (điều phối) – Khoa YTCC Trường ĐHYD Hải Phòng.
3. PGS.TS Phạm Văn Hán– Khoa Y tế công cộng Trường ĐHYD Hải Phòng.
4. PGS. TS. Phạm Minh Khuê– Khoa Y tế công cộng Trường ĐHYD Hải Phòng.
5. Bs. CKII Nguyễn Bá Dụng– Khoa Y tế công cộng Trường ĐHYD Hải Phòng.
6. Ths. Hoàng thị Giang– Khoa Y tế công cộng Trường ĐHYD Hải Phòng.
7. Ths. Nguyễn Thị Thùy Linh– Khoa Y tế công cộng Trường ĐHYD Hải Phòng.
8. Ths. Nguyễn Quang Đức - Khoa Y tế công cộng Trường ĐHYD Hải Phòng.
9. Ths. Trần Thị Thúy Hà- Khoa Y tế công cộng Trường ĐHYD Hải Phòng.
10. Ths. Trần Thị Hồi- Khoa Y tế công cộng Trường ĐHYD Hải Phòng.
11. Ths. Nguyễn Thị Thanh Bình - Khoa Y tế công cộng Trường ĐHYD Hải Phòng.
12. Ths. Nguyễn Thị Minh Ngọc– Khoa Y tế công cộng Trường ĐHYD Hải Phòng.

**Thời gian đào tạo:** 3 tín chỉ (1 tháng thực tế cộng đồng = 135 tiết)

## 5. Mục tiêu

Ứng dụng các nguyên lý đã học từ các môn học dinh dưỡng cộng đồng, không chế bệnh lây và không lây, sức khoẻ lứa tuổi và sức khoẻ tâm thần, sức khoẻ nghề nghiệp, sức khoẻ môi trường, sức khoẻ sinh sản đẻ:

1. Mô tả các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe
2. Xác định được những yếu tố nguy cơ của bệnh hay vấn đề sức khỏe ấy.
3. Lập kế hoạch phối hợp đa ngành tổ chức trong dự phòng và tăng cường sức khỏe cộng đồng
4. Tiến hành thực hiện và đánh giá một can thiệp nhỏ.

## Thực địa

Tại cộng đồng kết hợp với:

- + Trung tâm y tế quận huyện
- + Trung tâm y tế dự phòng

## 6. Nội dung và phân bố thời gian:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Thầy nhắc lại một số kiến thức chính để giúp học viên xây dựng khái quát đề cương với sự tham gia của cán bộ y tế địa phương.	2 ngày đầu
2	Học viên xuống thực địa: +Thu thập, tính toán các chỉ số sức khỏe dựa trên số liệu sẵn có. +Điều tra thu thập thông tin bổ sung +Phân tích để xác định nhu cầu lựa chọn ưu tiên +Tiến hành và đánh giá một can thiệp nhỏ	20 ngày tiếp
3	Xử lý, phân tích, viết báo cáo về lập kế hoạch can thiệp hay đánh giá một can thiệp nhỏ, thảo luận.	8 ngày cuối
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30 ngày</b>

## Phương pháp

1. Học viên tự chọn chủ đề một sức khỏe theo cách đề cập

- Sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm
  - Sức khỏe và môi trường tác động đối với môi trường nước và thực phẩm
  - Huy động sự can thiệp của cộng đồng, phối hợp đa ngành nghề giải quyết một vụ ngộ độc thực phẩm
  - Ô nhiễm môi trường nước và vấn đề an toàn thực phẩm thủy sản và sức khỏe
  - Ô nhiễm môi trường không khí và ảnh hưởng đối với môi trường đất nước, thực phẩm
  - Các bệnh phát sinh từ môi trường, sốt xuất huyết, chân tay miệng: nguy cơ, biện pháp xử lý, dự phòng
2. Phân nhóm: mỗi nhóm khoảng 5 học viên.
  3. Phát triển kế hoạch học tập thực địa (nhấn mạnh vào lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá can thiệp)
  4. Tiến hành thực hiện kế hoạch đã phát triển thực địa.
  5. Thảo luận nhóm và thảo luận với cộng đồng.
  6. Xử lý, phân tích, viết báo cáo về lập kế hoạch can thiệp, hay đánh giá một can thiệp nhỏ.

**Phương pháp lượng giá:**

1. Báo cáo thu hoạch

**Điểm điều kiện** (01 lần kiểm tra)



## D. CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN

Đề cương môn học:

### BỆNH NGHỀ NGHIỆP

1. Mã số: YHBN.517

2. Số tín chỉ: 2            LT: 2            TH: 0

3. Số tiết học: 60        LT: 30        TH: 0

4. Số lần kiểm tra:

5. Số chứng chỉ: 1

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Sức khỏe môi trường - Khoa y tế công cộng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS.TS. Phạm Minh Khuê, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
2. PGS.TS Dương Thị Hương, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
3. TS. Nguyễn Văn Sơn, Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường
4. TS. Lê Thị Thanh Xuân, Trường đại học Y Hà Nội

7. Mục tiêu:

Sau khi học xong môn học, học viên có khả năng:

1. Phát hiện, chẩn đoán và điều trị được các bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm.
2. Đề xuất các giải pháp dự phòng bệnh nghề nghiệp.
3. Đánh giá giám sát chương trình phòng chống bệnh nghề nghiệp

8. Nội dung:

Stt	Tên chuyên đề, bài giảng	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Đại cương bệnh nghề nghiệp. -Định nghĩa, phân loại -Đặc điểm	2	2

	-Chẩn đoán -Điều trị		
2	Bệnh hệ thống hô hấp: -Bệnh bụi phổi Silic -Bệnh bụi phổi asbest - Bệnh bụi phổi bông - Viêm phế quản mạn tính nghề nghiệp	2	2
3	Bệnh nghề nghiệp do chất hoá học: -Nhiễm độc chì vô cơ -Nhiễm độc chì hữu cơ -Nhiễm độc benzen -Nhiễm độc Nicotin -Nhiễm độc Mangan -Nhiễm độc thuỷ ngân -Nhiễm độc asen và các hợp chất asen vô cơ.	10	10
4	Bệnh nghề nghiệp do các yếu tố vật lý: -Bệnh điếc nghề nghiệp -Bệnh rung chuyển nghề nghiệp -Bệnh giảm áp -Bệnh nhiễm xạ nghề nghiệp	6	6
5	Bệnh da nghề nghiệp: -Bệnh da nghề nghiệp do Crom -Bệnh sạm da nghề nghiệp	4	4
6	Bệnh do các yếu tố sinh học: -Bệnh do Leptospira nghề nghiệp -Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp	4	4

	-Bệnh lao nghề nghiệp		
7	Bệnh nhiễm độc hoá chất trừ sâu	2	2
	<b>Tổng thời gian</b>	<b>30</b>	<b>30</b>

**9. Phương pháp giảng.**

1. Thuyết trình ngắn
2. Case study
3. Thảo luận nhóm
4. Bài tập

**10. Phương pháp lượng giá:**

**Hình thức kiểm tra, đánh giá**

- Đánh giá thường xuyên bằng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi tự luận ngắn
- Thi lý thuyết truyền thống bằng hình thức tự luận

**Cách tính điểm học phần**

- Số lần kiểm tra: 1      Trọng số    0,3      Hình thức: Bài tập thảo luận
- Số lần thi hết môn: 1      Trọng số    0,7      Hình thức: Viết tự luận

**Tổng trọng số    1.0**

**11. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Y tế công cộng, trường Đại học Y dược Hải Phòng

**12. Tài liệu giảng dạy và tham khảo**

**Tài liệu giảng dạy**

1. Sức khỏe nghề nghiệp. Đại học Y Hải Phòng. NXB Y học 2002 (Giáo trình sau đại học)
2. Sức khỏe nghề nghiệp. Đại học Y Hải Phòng. NXB Y học 2012 (Giáo trình Bác sỹ y học dự phòng).
3. Bệnh nghề nghiệp, Tập 1,2 - NXB Y học 1992.

**7.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Sức khỏe nghề nghiệp, Chủ biên: PGS.TS Bùi Thanh Tâm, ThS. Nguyễn Thụy Quỳnh, 2011

2. Sức khỏe Nghề nghiệp, Trường Đại học Y Hà Nội, 2012
3. Sức Khỏe Nghề Nghiệp ( đào tạo Đại học và Chuyên khoa I Y tế cộng đồng), ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh, PGS.TS Bùi Thanh Tâm, 2008
4. Du trouble mental à l'incapacité au travail, Marc Corbière; Marie-josé durand, 2011

**Đề cương môn học:**  
**Vệ sinh bệnh viện, vệ sinh trường học**

**1. Mã số:** YHVT. 518

**2. Số tín chỉ:** 3                    LT: 2            TH: 1

**3. Số tiết học:** 60                LT: 30            TH: 30

**4. Số lần kiểm tra**            3            Thi hết môn 1            Điểm môn học 1

**5. Số chứng chỉ:**                1

**Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:** Bộ môn Sức khỏe môi trường - Khoa y tế công cộng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**Cán bộ giảng dạy:**

1. PGS. TS. Dương Thị Hương, Khoa y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
2. PGS.TS. Lê Thị Song Hương, Khoa sức khỏe cộng đồng. Trung tâm Y tế dự phòng
3. ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc, Khoa y tế công cộng Đại học Y dược Hải Phòng
4. ThS. Nguyễn Quang Đức, Khoa y tế công cộng, Đại học Y dược Hải Phòng

**7. Mô tả học phần:**

Học viên nắm được các kiến thức về sức khỏe lứa tuổi, các bệnh lứa tuổi và bệnh học đường

**8. Mục tiêu học phần:** Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

- Trình bày được những chiều hướng sức khoẻ theo các nhóm tuổi.
- Mô tả được những vấn đề sức khoẻ chủ yếu của từng nhóm tuổi.
- Trình bày được những yếu tố nguy cơ tới sức khoẻ của từng nhóm tuổi.
- Trình bày được những giải pháp dự phòng chủ yếu cho từng nhóm tuổi.
- Trình bày được những chiều hướng sức khoẻ theo các nhóm tuổi.
- Mô tả được những vấn đề sức khoẻ chủ yếu của từng nhóm tuổi.

- Trình bày được những yếu tố nguy cơ tới sức khỏe của từng nhóm tuổi.
- Trình bày được những giải pháp dự phòng chủ yếu cho từng nhóm tuổi.
- Trình bày các bệnh liên quan tuổi học đường
- Mô tả các chương trình can thiệp sức khỏe cộng đồng
- Trình bày các biện pháp phòng chống bệnh học đường

**Mục tiêu kiến thức:**

**Mục tiêu kỹ năng:**

Thiết kế được một nghiên cứu phù hợp sàng lọc và can thiệp hiệu quả quản lý sức khỏe lứa tuổi tại cộng đồng

**Mục tiêu thái độ:**

Các bệnh ở các độ tuổi và khả năng dự phòng kiểm soát bệnh

## 9. Nội dung

STT	Chuyên đề	LT	TH	Tự học
1	Khái niệm cơ bản về sức khỏe lứa tuổi, các giai đoạn phát triển của một đời người, những chiều hướng sức khỏe. Nguyên lý chung về sức khỏe lứa tuổi	2	2	4
2	Chăm sóc sức khỏe ở trẻ sơ sinh và trước sinh. Những vấn đề sức khỏe, các yếu tố nguy cơ và các giải pháp dự phòng ở trẻ sơ sinh và trước sinh.	4	4	8
3	Chăm sóc sức khỏe ở trẻ dưới 5 tuổi. Những vấn đề sức khỏe, các yếu tố nguy cơ và các giải pháp dự phòng ở trẻ dưới 5 tuổi.	4	4	8

4	Chăm sóc sức khỏe ở trẻ từ 6 - 9 tuổi. Những vấn đề sức khỏe, các yếu tố nguy cơ và các giải pháp dự phòng ở trẻ 6-9 tuổi	4	4	8
5	Những vấn đề sức khỏe, các yếu tố nguy cơ và các giải pháp dự phòng ở tuổi vị thành niên (10-19). Sức khỏe lứa tuổi vị thành niên.	6	6	12
6	Chăm sóc sức khỏe ở người trưởng thành. Những vấn đề sức khỏe, các yếu tố nguy cơ và các giải pháp dự phòng ở người trưởng thành (20-55/60)	6	6	12
7	Chăm sóc sức khỏe ở người già. Những vấn đề sức khỏe, các yếu tố nguy cơ và các giải pháp dự phòng ở người già (>55/60)	4	4	8
<b>Tổng</b>		<b>30</b>	<b>30</b>	<b>60</b>

#### 9. Tài liệu học tập

- Sức khỏe lứa tuổi, Trường đại học y dược Hải Phòng, (giáo trình sau đại học)
- Sức khỏe trường học, Trần văn Dân

#### 10. Tài liệu tham khảo

- Sức khỏe lứa tuổi, - Đại học Y Hà Nội
- Bài giảng nhi khoa T1 / Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. - Tái bản lần 1. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 1997. - 583tr. ; 24 cm.
- Tâm lý trẻ và giáo dục trong gia đình / Trần Thị Cẩm. - H. : Phụ nữ, 2005. - 239 ; 19cm
- Lão khoa đại cương. - H. : Y học, 1990. - 424 tr. ; 19 cm
- Sức khỏe lứa tuổi- Đại học Y Hải Phòng
- Ảnh hưởng tuổi vàng: Cẩm nang sức khỏe cho người lớn tuổi / Nguyễn Ý Đức. - H. : Thanh niên, 2002. - 261tr. ; 21 cm.

- Nghiên cứu sức khỏe cộng đồng
- Vệ sinh - Môi trường - Dịch tễ tập 1: GS.TS Đào Ngọc Phong (2009).

### **11. Phương pháp dạy học:**

11.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

11.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead, tủ an toàn sinh học, các vật liệu bảo hộ cá nhân, tủ hút hóa chất, các dụng cụ phòng xét nghiệm cơ bản.

### **21. Phương pháp đánh giá.**

12.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

Thi lý thuyết truyền thống.

12.2. Cách tính điểm học phần:

- |                        |                 |              |
|------------------------|-----------------|--------------|
| 1. Số lần kiểm tra:    | - Lí thuyết: 2  | Trọng số 0,3 |
|                        | - Thực hành : 2 |              |
| 2. Số lần thi hết môn: | - Lí thuyết: 1  | Trọng số 0,7 |

**Tổng điểm trọng số 1.0**



**Đề cương môn học:**  
**DỊCH TỄ HỌC NÂNG CAO**

**1. Mã số:** YHDN.519

**2. Số tín chỉ:** 3                      LT: 2              TH: 1

**3. Số tiết học:** 60                      LT: 30              TH: 30

**4. Số lần kiểm tra**              3              Thi hết môn 1              Điểm môn học 1

**5. Số chứng chỉ:**              1

**6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:** Bộ môn Sức khỏe môi trường - Khoa y tế công cộng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**Cán bộ giảng dạy:**

1. PGS. TS. Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng.

2. PGS. TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng.

3. PGS. TS. Phạm Minh Khuê, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng.

4. ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng.

**7. Mô tả học phần:**

Khoá học này được thiết kế trên cơ sở học viên đã được học các khoá học về dịch tễ học cơ bản và phục vụ cho đối tượng hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu YTCC. Các nội dung chủ yếu của khoá học sẽ tập trung vào việc nâng cao kiến thức và kỹ năng ứng dụng các phương pháp dịch tễ học trong thực tế nghiên cứu YTCC. Các phương pháp dịch tễ học chủ yếu nhằm vào dịch tễ học phân tích với cấu phần quan sát là chính. Các kỹ năng nhằm đảm bảo tính giá trị của các kết quả nghiên cứu dịch tễ học trong các khâu từ thiết kế, triển khai tại thực địa và phân tích kết quả nghiên cứu cũng sẽ được nhấn mạnh trong khoá học này. Các kỹ năng phân tích số liệu dịch tễ học (có sử dụng phần mềm phân tích số liệu) được sử dụng và tăng cường trong khoá

học nhằm tăng cường tính độc lập của học viên trong các giai đoạn triển khai nghiên cứu.

### **8.Mục tiêu học phần:**

Sau khi học xong phần này học viên có khả năng:

- Phát hiện được những sai số quan trọng trong các bài báo và các đề cương nghiên cứu khoa học.
- Đo lường các sai số và ảnh hưởng của nó tới các kết quả nghiên cứu dịch tễ học.
- Đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao tính giá trị của các kết quả

nghiên cứu dịch tễ học.

- Thiết kế được nghiên cứu bệnh chứng và thử nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng.

### **9.Phân bố thời gian:**

Học phần này gồm 02 tín chỉ (1 lý thuyết/1 thực hành). Việc tổ chức học viên học tập bao gồm hai hoạt động chính: Thuyết trình và thảo luận nhóm để giải quyết các vấn đề như đã mô tả ở học phần.

#### **Điều kiện và yêu cầu của học phần.**

Học viên cần được trang bị các kiến thức của các môn học trước khi học học phần này như:

- Đã được học chương trình vi sinh vật y học (chương trình BS hệ chính quy); được học các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh vật y học, ký sinh trùng y học
- Đã học xong môn học thống kê y học
- Đã học qua một số môn lâm sàng như: bệnh học truyền nhiễm
- Đã học qua môn sinh thái học, môi trường sức khỏe

## 10. Nội dung học phần:

STT	Nội dung	Số tiết		Tự học
		LT	TH	
1	Diễn giải kết quả trong các nghiên cứu phân tích và nghiên cứu can thiệp	4	8	8
2	Diễn giải kết quả chẩn đoán	2	8	4
3	Diễn giải nghiên cứu tiên lượng (ROC curve)	2	5	4
4	Sai số và nhiễu trong nghiên cứu	2	4	4
5	Diễn giải kết quả nghiên cứu bằng Định lí Bayes	1	4	2
6	Phân tích tổng hợp (meta-analysis)	2	8	4
7	Đọc và phân tích bài báo	2	8	4
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>45</b>	<b>30</b>

## 11. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm, đọc và phân tích các bài báo

### Phương tiện và vật liệu giảng dạy:

- Máy chiếu Projector
- Bài tập tình huống, bài báo.

### Đánh giá:

- Số lần kiểm tra: 02 lần (kiểm tra giữa học phần) – hình thức kiểm tra: viết
- Số bài thi hết môn học: 01 (sau khi kết thúc môn học – theo lịch nhà trường)
- Hình thức thi hết môn học: thi viết hoặc viết chuyên đề
- Cách tính điểm học phần:  $KT1 \times 0.2 + GK \times 0.3 + Thi \times 0.5$

## **12. Tài liệu học tập và tham khảo**

### *Tài liệu học tập*

- Tài liệu phát tay của bộ môn

### *Tài liệu tham khảo*

- Tổ chức Y tế thế giới - Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, WHO, 2009, Nhà xuất bản Y học, 2009.
- Trường đại học Y Dược Hải Phòng, Dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội 2014.
- Nguyễn Văn Tuấn, Y học thực chứng, Nhà xuất bản Y học , Hà Nội, 2015

**Đề cương môn học:**  
**Y HỌC BIỂN**

**1. Mã số:** YHYB.520

**2. Số tín chỉ:** 2    LT: 1 TH: 1

**3. Số tiết học:** 45            LT: 15            TH: 30

**4. Số lần kiểm tra:**

**5. Số chứng chỉ:** 1

**6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:**

Bộ môn Y học biển - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**Cán bộ giảng dạy:**

1. GS. TS. Nguyễn Trường Sơn – Bộ môn YHB - Trường ĐHYD Hải Phòng
2. PGS. TS. Trần Thị Quỳnh Chi -Bộ môn YHB - Trường ĐHYD Hải Phòng

**7. Mục tiêu**

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

- Đặc điểm môi trường sống, lao động, tình trạng sức khoẻ – bệnh tật của lao động biển, nhân dân và bộ đội trên vùng biển đảo
- Nguyên tắc và phương pháp tổ chức các hoạt động cấp cứu xảy ra trên biển
- Trình bày được ảnh hưởng của môi trường nước và áp suất cao đến tình trạng sức khoẻ của con người. Cách phát hiện và xử trí các tai biến do lặn. Chỉ định và ứng dụng phương pháp trị liệu oxy cao áp (HBOT).

## 1. Nội dung

Stt	Tên chuyên đề, bài giảng	Số tiết		Tự học
		LT	Tiết	
1	Bài mở đầu: Y học biển: vai trò, chức năng và phạm vi nội dung hoạt động	2	0	4
2	Đặc điểm môi trường sống và lao động trên các tàu biển và ảnh hưởng của nó đến tình trạng sức khỏe và bệnh tật của người lao động biển	2	4	4
3	Các hoạt động cấp cứu biển	2	4	4
4	Chứng bệnh say sóng của lao động biển	2	8	4
5	ảnh hưởng của lao động áp suất cao đến các hoạt động chức năng và tình trạng sức khỏe của cơ thể	3		6
6	Phân loại, chẩn đoán và xử trí các tai biến có thể xảy ra khi lao động trong môi trường nước	2	4	4
7	Chỉ định các phương pháp điều trị bằng oxy cao áp	2	6	4
	<b>Tổng thời gian</b>	<b>15</b>	<b>30</b>	<b>30</b>

Phương pháp giảng

1. Thuyết trình ngắn
2. Case study
3. Thảo luận nhóm
4. Bài tập

## 2. Phương pháp lượng giá:

1. Lý thuyết: trắc nghiệm kết hợp với viết trả lời các câu hỏi ngắn
2. Thực hành: Vấn đáp kết hợp chấm thang điểm kỹ năng

**Số chứng chỉ: 01 (01 lần thi)**

**10. Tài liệu tham khảo**

1. Bài giảng Y học biển. Bộ môn y học biển. Trường đại học y Hải Phòng. Năm 2000.
2. Văn bản pháp qui về tổ chức ngành y tế
3. Các công ước quốc tế liên quan
4. Giúp đỡ y tế quốc tế cho tàu thuyền. NXB y học. 2000
5. Các công trình nghiên cứu khoa học y học biển đã được nghiệm thu
6. Các chuyên đề y học biển. Viện y học biển Việt Nam. 1999
7. Thư viện điện tử: tài liệu của Hội y học biển quốc tế; Hội y học dưới nước và cao áp.

**PHẦN B. CÁC HỌC PHẦN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ**  
**HỌC PHẦN :**  
**PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU SỨC KHOẺ CỘNG ĐỒNG**

**Mã số: YHNC. 504**

**Số TC: 02**

**Số tiết học : 60 (15/45)    LT: 14    TH: 45**

**Số chứng chỉ : 1**

**MỤC TIÊU MÔN HỌC:** *Sau khi học xong môn này, học viên có khả năng:*

1. Thu thập, giải thích và sử dụng các thông tin liên quan đến sức khỏe cộng đồng từ các nguồn khác nhau.
2. Xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên cần giải quyết tại địa phương.
3. Đề xuất được các giải pháp thích hợp nhằm giải quyết các vấn đề sức khỏe.
4. Thiết kế, triển khai và viết báo cáo khoa học về sức khỏe cộng đồng.

**NỘI DUNG HỌC TẬP**

STT	Chủ đề			
		LT	TH	Tự học
1.	Tổng quan về các thiết kế nghiên cứu	2	4	4
2.	Lựa chọn vấn đề ưu tiên. Phân tích và nêu vấn đề nghiên cứu	2	6	4
3.	Xây dựng mục tiêu nghiên cứu	2	6	4
4.	Xác định biến số và chỉ số trong nghiên cứu	2	5	4
5.	Chọn mẫu và cỡ mẫu trong nghiên cứu dịch tễ học	2	4	4
6.	Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin	1	4	2
7.	Lựa chọn test thống kê	1	4	2
8.	Xử lý, phân tích và trình bày số liệu	1	4	2
9.	Lập kế hoạch nghiên cứu về nhân lực, thời gian và kinh phí	1	4	2
10.	Cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học	1	4	2
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>45</b>	<b>30</b>



### **Phương pháp dạy học**

- + Lý thuyết: Trình bày, nêu vấn đề thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp
- + Thực hành: Làm bài tập, Thực tập cộng đồng.

### **Phương pháp lượng giá**

- + Lý thuyết: Viết thu hoạch theo chủ đề
- + Thực hành: Làm tiểu luận.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Dương Đình Thiện. Dịch tễ y học. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội 1993
2. Dương Đình Thiện. Dịch tễ y học (dùng cho sau đại học). Nhà xuất bản Y học. Hà Nội 1993
3. Dương Đình Thiện. Dịch tễ y học lâm sàng. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội 1993
4. Tổ chức Y tế thế giới - Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, WHO, 2009, Nhà xuất bản Y học, 2009.
5. Trường đại học Y Dược Hải Phòng, Dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội 2014.
6. Dịch tễ học cơ bản. R Bonita; R Beaglehole; T Kjellstrom
7. Thực hành dịch tễ học PGS. PTS Dương Đình Thiện
8. Phương Pháp nghiên cứu kết hợp PGS. TS Nguyễn Thanh Hương
9. Phương pháp nghiên cứu khoa học thiết kế nghiên cứu lâm sàng, Trương Việt Dũng

**Chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHY dược Hải Phòng

## HỌC PHẦN : GIÁO DỤC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE

**Mã số:YHYG. 509**

**Số TC: 02**

**Số tiết học : 60 (15/45)    LT: 14    TH: 45**

**Số chứng chỉ : 1**

### **Mục tiêu học tập:**

1. Trình bày được các chiến lược thực hiện nâng cao sức khỏe
2. Trình bày được các hoạt động nâng cao sức khỏe chủ yếu tại trường học, nơi làm việc, các cơ sở y tế và nơi sinh sống.
3. Trình bày được các nội dung cơ bản trong tổ chức đào tạo cán bộ TT-GDSK tại cộng đồng và phương pháp dạy/học bằng thảo luận nhóm và đóng vai sử dụng trong đào tạo cán bộ TT-GDSK tại cộng đồng
4. Trình bày được nội dung kế hoạch bài giảng cho đào tạo cán bộ TT-GDSK tại cộng đồng.
5. Trình bày được nội dung của dự án TT-GDSK và nâng cao sức khỏe.
6. Lựa chọn đối tượng, lập kế hoạch và thực hiện đào tạo cán bộ TT-GDSK tại cộng đồng.
7. Lập được kế hoạch bài giảng cho đào tạo cán bộ TT-GDSK tại cộng đồng.
8. Hướng dẫn tuyến dưới phát triển các công cụ, lập kế hoạch và thực hiện giám sát, đánh giá các chương trình TT-GDSK.
9. Hướng dẫn được cán bộ tuyến dưới lập kế hoạch hoạt động TT-GDSK trên địa bàn mình quản lý

## NỘI DUNG HỌC TẬP

STT	Chủ đề			
		LT	TH	Tự học
1	Liên quan giữa GDSK và nâng cao sức khỏe, các chiến lược, và địa điểm nâng cao SK	2	6	4
2	Các nội dung hoạt động chính của nâng cao sức khỏe tại các địa điểm khác nhau	3	6	6
3	Quá trình truyền thông, các mô hình truyền thông	2	6	4
4	Một số mô hình thay đổi hành vi sức khỏe và áp dụng thực tế	2	6	4
5	Các nội dung chính của quản lý hoạt động GDSK và nâng cao sức khỏe.	2	7	4
6	Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo cán bộ GDSK nâng cao sức khỏe tại cộng đồng.	2	6	4
7	Xây dựng dự án can thiệp Giáo dục sức khỏe và Nâng cao sức khỏe tại cộng đồng.	2	8	4
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>45</b>	<b>30</b>

### Phương pháp dạy/học:

- Trình bày ngắn, tự đọc tài liệu
- Thực hành đóng vai
- Hướng dẫn làm bài tập: Viết và trình bày dự án TT-GDSK và nâng cao sức khỏe

### Phương pháp lượng giá:

- Thi viết lý thuyết
- Đánh giá kỹ năng dựa vào bảng kiểm và gợi ý trả lời các tình huống giả định
- Thi thực hành: chấm điểm nội dung và trình bày dự án TT-GDSK và nâng cao sức khỏe

**Tài liệu học tập:**

- Bài giảng TT-GDSK dùng cho sau đại học
- Nâng cao sức khỏe (Tài liệu dịch)
- Tài liệu phát tay

**Tài liệu tham khảo (cho học viên):**

1. Các kỹ năng giao tiếp trong y học (Tài liệu dịch)
2. Education for health WHO-1988
3. Health education: A new approach Ramachandral L, ct.
4. Communicating health, An action guide to health education and health promotion, John Hubley 1993.

**Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

## HỌC PHẦN: CHÍNH SÁCH Y TẾ

Mã số: YHQC. 510

Số TC: 02

Số tiết học : 60 (15/45) LT: 14 TH: 45

Số chứng chỉ : 1

**MỤC TIÊU MÔN HỌC:** Sau khi kết thúc môn học, học viên có khả năng

1. Nêu và nhận định được các yếu tố quyết định chính sách y tế
2. Phân tích được những vấn đề liên quan đến chính sách lớn về y tế.
3. Đề xuất những nội dung trong theo dõi, giám sát việc thực thi chính sách y tế ở Việt Nam.
4. Viết được một đề cương nghiên cứu chính sách y tế trong một lĩnh vực cụ thể.

### NỘI DUNG HỌC TẬP

STT	Chủ đề			
		LT	TH	Tự học
1	Khái niệm cơ bản về chính sách y tế	2	6	4
2	Xây dựng chính sách y tế	4	8	8
3	Các chính sách y tế lớn ở Việt Nam	2	8	4
4	Theo dõi và giám sát thực hiện chính sách y tế.	3	8	6
5	Đánh giá việc thực thi chính sách y tế.	2	8	4
6	Nghiên cứu chính sách y tế	2	7	4
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>45</b>	<b>30</b>

### Phương pháp dạy/ học :

- Trình bày ngắn, tự đọc tài liệu
- Thảo luận nhóm
- Làm bài tập tình huống

**Phương pháp lượng giá :**

- Thi viết, vấn đáp hoặc test
- Làm bài tập

**Tài liệu học tập chủ yếu:**

- Tài liệu phát tay Chính sách và quản lý chính sách y tế, Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Môn Tổ chức và quản lý y tế (2002), *Bài giảng Quản lý và Chính sách y tế (Dùng cho đối tượng sau đại học)*, NXB Y học.

**Tài liệu tham khảo (cho học viên):**

1. Quản lý nhà nước và quản lý ngành về y tế. PGS.TS Trần Nhân Thắng
2. Tổ chức và quản lý y tế ở Việt Nam. PGS.TS Đào Văn Dũng, PGS.TS Nguyễn Đức Trọng
3. Bài giảng Quản lý và Tổ chức Y tế. Bộ Y tế, Vụ khoa học và Đào tạo, Nhà xuất bản Y học Hà Nội
4. Tổ chức và Quản lý Y tế (Sách Đào tạo Bác sĩ Đa khoa). GS. Trương Việt Dũng, TS. Nguyễn Duy Luật
5. Y học xã hội và Tổ chức Y tế. Tổng hội Y học Việt Nam
6. 9. Các giải pháp chính sách y tế cho người nghèo, Dương Huy Liệu, Nguyễn Hoàng Long (2006).
7. 10. Tài chính y tế từ góc độ gia đình và người sử dụng dịch vụ y tế, Dương Huy Liệu, Nguyễn Quang Ân, Nguyễn Hoàng Long, Sarah Bales, Nguyễn Văn Vững (2006).

**Chịu trách nhiệm giảng dạy:** Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHY dược Hải Phòng

## **C: CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ**

### **4.1. Chuyên đề tiến sĩ (tổng khối lượng 5-10 đvht)**

- Mục đích của các chuyên đề TS nhằm trang bị thêm cho NCS năng lực nghiên cứu khoa học, rèn luyện thêm về kỹ năng tổ chức nghiên cứu, cập nhật thông tin về những vấn đề chuyên ngành liên quan trực tiếp tới đề tài luận án. Ngoài ra, phần này cũng cung cấp một số kỹ năng phân tích số liệu cụ thể có liên quan tới chủ đề nghiên cứu, giúp NCS có đủ trình độ giải quyết đề tài luận án.

- Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh dưới sự hướng dẫn của Thầy hướng dẫn, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của luận án.

- Mỗi NCS phải hoàn thành 3 chuyên đề với tổng thời lượng từ 5-10 ĐVHT:

- NCS cần tiến hành thu thập các thông tin sẵn có, các nghiên cứu đã công bố trong y văn, bao gồm cả các số liệu/nghiên cứu đã công bố trên quốc tế cũng như những đề tài đã tiến hành nghiên cứu, nghiệm thu trong nước có liên quan đến chủ đề nghiên cứu của đề tài luận án.

- Nếu là những tài liệu tiếng nước ngoài, NCS cần dịch những tóm tắt (abstract/resume) sang tiếng Việt.

- Tổng quan tài liệu cần được sắp xếp theo các phần/mục hợp lý để giúp người đọc thấy được bối cảnh của vấn đề NCS định nghiên cứu xét trên bình diện quốc tế và trong nước: tác giả nào đã tiến hành làm gì, kết quả chính thu được là gì, có kết luận, khuyến nghị gì đặc biệt cần được áp dụng trong đề tài của NCS, có những lý thuyết gì về vấn đề nghiên cứu đang quan tâm, những vấn đề về kỹ thuật/phương pháp luận gì cần lưu ý, v.v. Tổng quan tài liệu này cũng sẽ cho phép đánh giá tính hợp lý của đề tài nghiên cứu mà NCS đã chọn, sự phù hợp của các giả thuyết nghiên cứu cũng như những thiết kế/phương pháp nghiên cứu đặt ra (NCS sau đó sẽ phải thể hiện được đề tài của mình không trùng lặp với các đề tài trước đây, thể hiện được tính sáng tạo và khả năng tư duy/làm việc độc lập).

- Tổng quan tài liệu cần dựa trên những tài liệu/nghiên cứu đã công bố trong vòng ít nhất là 5 năm trở lại đây (cá biệt có thể nêu cả những đề tài/lý thuyết

hay công trình đã công bố lâu hơn như thế, nếu đó là những công bố quan trọng, mang tính định hướng lý thuyết hay phương pháp luận cho luận án).

- Kết quả đầu ra là một chuyên đề (tối thiểu khoảng 30 trang, theo định dạng lề, chữ, v.v. đã được Bộ GD-ĐT qui định). NCS sẽ phải trình bày trước tiểu ban chấm chuyên đề những nội dung chính của phần tổng quan tài liệu này.

a/ **Chuyên đề 1: Thực trạng và các yếu tố nguy cơ**:

- Căn cứ vào nội dung của đề tài luận án, các tài liệu trong và ngoài nước nghiên cứu sinh cần thu thập được, phân tích và mô tả rõ thực trạng vấn đề nghiên cứu về đặc điểm dịch tễ học, tỷ lệ mắc, nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ có liên quan đến vấn đề sức khỏe đang nghiên cứu. Cần phân tích rõ những kết quả đạt được những điểm còn hạn chế cần tiếp tục nghiên cứu.

b/ **Chuyên đề 2: Phương pháp tiến hành nghiên cứu**

- NCS phải đưa ra một bản kế hoạch hoạt động chi tiết bao gồm: các bước tiến hành phát triển và thử nghiệm bộ câu hỏi/ công cụ nghiên cứu, lịch trình thử nghiệm bộ câu hỏi (ít nhất 1 lần thử nghiệm).

- NCS tiến hành nghiên cứu tại thực địa rồi đưa ra báo cáo, rút kinh nghiệm, những ưu, nhược điểm của bộ câu hỏi, những chi tiết cần chỉnh sửa, thay đổi cho phù hợp. Trong học phần chuyên đề này, nhà trường có thể sẽ tổ chức một (hoặc một vài buổi) xê-mi-na mang tính chất định hướng, chỉ dẫn cho nghiên cứu sinh cách thức phát triển một bộ câu hỏi phục vụ cho nghiên cứu (các nguyên tắc chung, cách phát triển, những lưu ý khi thiết kế các câu hỏi, một số gợi ý, v.v.)

- NCS sẽ đăng ký theo học ít nhất 1 trong những lớp sau đây: thống kê nâng cao, phân tích số liệu (sử dụng các phần mềm chuyên ngành - định tính và/hoặc định lượng), phương pháp nghiên cứu nâng cao, hoặc các khóa học tương đương. Trong quá trình học, NCS sẽ phải đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu của khóa học (bài tập, những bài kiểm tra và thi). Kết quả đầu ra là điểm tổng kết lớp học mà NCS đã đăng ký tham gia học (có thể là cùng với học viên cao học, hoặc các đối tượng học viên/sinh viên khác) trong hoặc sau khi tiến hành chuyên đề 2 và trước khi tiến hành thu thập và phân tích số liệu cho đề tài chính thức sẽ trở thành luận án TS.



**Ghi chú:** Trong trường hợp NCS lựa chọn đề tài luận án dựa trên bộ số liệu thứ cấp (không tiến hành trực tiếp thu thập số liệu trên thực địa bằng bộ câu hỏi), chuyên đề 2 sẽ chuyển thành yêu cầu như sau:

- NCS phải đề ra chiến lược phân tích số liệu thứ cấp dự định sử dụng. Cụ thể NCS phải soạn ra các biến số, nhóm biến số gốc của bộ số liệu có liên quan tới đề tài, nêu rõ những biến số nào sẽ cần được mã hóa, thao tác để có thể phục vụ được cho đề tài, những biến số nào cần tạo mới từ các biến cũ.
- Sau đó, kế hoạch phân tích là gì (bao gồm phân tích mô tả, phân tích hai biến, phân tích đa biến hay các kỹ thuật phức tạp nếu có).

Đầu ra là một quyển (tối thiểu khoảng 30 trang, theo định dạng lề, chữ, v.v. đã được Bộ GD-ĐT qui định) tóm tắt lại cấu trúc dữ liệu của bộ số liệu đó, toàn bộ các biến số của bộ số liệu thứ cấp có liên quan đến đề tài, định nghĩa các biến, tiêu chí đánh giá, các kế hoạch phân tích từng bước cụ thể, đầu ra dự kiến dưới dạng bảng trống hay mô hình hồi qui, v.v. (nếu là các mô hình hồi qui thì danh sách biến độc lập là gì, biến phụ thuộc là gì). Cần chỉ rõ biến nào có sẵn, biến nào sẽ cần tạo mới, biến đổi từ các biến có sẵn.

c/ ***Chuyên đề 3: Các giải pháp can thiệp***

- Dựa trên cơ sở các tài liệu tham khảo, các công trình nghiên cứu khoa học có liên quan đến đề tài luận án, nghiên cứu sinh tổng hợp các giải pháp can thiệp đối với vấn đề sức khỏe mà nghiên cứu sinh đang tiến hành. Nghiên cứu cần phân tích rõ hiệu quả, những giải pháp đã áp dụng, những giải pháp mới được triển khai, hiệu quả của các giải pháp và hạn chế.
- Các chuyên đề TS được tiến hành trên cơ sở tự học và tự nghiên cứu một cách độc lập của NCS dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn khoa học.
- Việc đánh giá và chấm điểm chuyên đề được thực hiện trên cơ sở chấm cuốn báo cáo chuyên đề (đã nêu trên) và việc NCS trình bày tóm tắt trước tiểu ban chấm chuyên đề trong một buổi sinh hoạt khoa học của khoa/bộ môn hay nhà trường .

Tiểu ban chấm chuyên đề gồm ít nhất 3 thành viên, là những người có học vị TS, TSKH hoặc chức danh PGS, GS, hiểu biết sâu về chuyên đề

của NCS. Hiệu trưởng – chủ tịch hội đồng Khoa học Đào tạo của Trường ĐH Y Hải Phòng (hoặc người được hiệu trưởng ủy nhiệm) sẽ ra quyết định thành lập Tiểu ban chấm chuyên đề. Tiểu ban được thành lập trên cơ sở để đánh giá từng NCS chứ không tiến hành đánh giá chung nhiều NCS trong một phiên làm việc. Thành viên các tiểu ban chấm chuyên đề cần bao gồm ít nhất 1 nhà khoa học không thuộc Trường ĐH Y Hải Phòng.

#### **4.2. Bài tiểu luận tổng quan:**

- Về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án, đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

#### **4.3. Luận án tiến sĩ**

- Nội dung và hình thức luận án tuân theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD-ĐT
- Việc tiến hành mời giáo viên hướng dẫn, tổ chức bảo vệ đề tài cấp cơ sở, thành lập hội đồng chấm luận án TS, v.v. tuân theo các qui định hiện hành của Bộ GD-ĐT.

## MỘT SỐ QUI ĐỊNH CHUNG

- Để tiến hành đề tài, đề cương luận án của NCS còn phải tuân theo các qui trình xét duyệt như các nghiên cứu của Trường: phải đăng ký để được Hội đồng Xét duyệt Đạo đức của Trường xem xét và phê duyệt theo quy định chung
- NCS có trách nhiệm tự tìm các nguồn kinh phí để thực hiện đề tài luận án tiến sĩ
- Trong trường hợp NCS có nhu cầu xin được hỗ trợ về kinh phí nghiên cứu từ phía nhà trường, NCS cần nộp đề cương cho phòng Quản lý Nghiên cứu Khoa học của Trường, đề nghị xin hỗ trợ kinh phí, cùng với dự trù kinh phí chi tiết cho lãnh đạo nhà trường. Trong điều kiện cho phép, Ban Giám hiệu có thể xét cấp kinh phí cho đề tài từ các nguồn khác nhau (bao gồm cả các dự án có kinh phí cho nghiên cứu tại nhà trường).
- Với các nghiên cứu dự định tiến hành tại các cơ sở thực địa chiến lược của nhà trường (ví dụ), bao gồm đề tài hoàn toàn mới, hay đề tài có dựa trên và / hoặc sử dụng (một phần hay toàn bộ) các số liệu đang được nhà trường thu thập, NCS phải nộp đề cương cho Hội đồng Khoa học nhà trường và tuân thủ các qui trình xét duyệt đã được ban hành có liên quan tới các cơ sở thực địa này (bất kể việc kinh phí thực hiện đề tài được cấp từ nguồn .

# HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

## I. SẮP XẾP NỘI DUNG VÀ QUỸ THỜI GIAN

### 1. Nội dung

Sắp xếp lịch học theo thứ tự sau:

Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ gần với chuyên ngành Y tế công cộng

+ Học các môn học hỗ trợ, môn tự chọn ở học kỳ I và học các môn học ở trình độ Tiến sĩ ở học kỳ II

Đối với nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ Y tế công cộng:

+ Học các môn học ở trình độ Tiến sĩ ở học kỳ II

Cả hai đối tượng

+ Dành thời gian để viết các chuyên đề và viết tiểu luận ở học kỳ 3,4

+ Làm luận án tốt nghiệp ở học kỳ 4,5,6.

+ Số tiết học để thuận cho việc tính toán chúng tôi quy ước như sau:

1 đơn vị học trình lý thuyết = 15 tiết chuẩn = 15 tiết lý thuyết

1 đơn vị học trình tại phòng học hoặc phòng xét nghiệm = 15 tiết chuẩn = 30 tiết thực hành.

**2. Quỹ thời gian ( tính theo tuần ): kế hoạch giảng dạy cụ thể sẽ đưa ra vào đầu mỗi năm học**

Học kỳ	Học tập	Thi	Tết/Hè	Tổng
I	15	2	3	20
II	15	2	2	20
III	15	2	3	20
IV	15	4	2	30
V	15	4	2	30
VI	15	4	3	30
<b>Tổng</b>	<b>60</b>	<b>18</b>	<b>15</b>	<b>150</b>

### 3. KIỂM TRA, THI

3.1. Kiểm tra sau mỗi môn học: kiểm tra lý thuyết

3.2. Thi sau mỗi môn học để có chứng chỉ

Thi lý thuyết ( truyền thông ), thi thực hành tay nghề.

### 3.3. Cách tính điểm

- Thi lý thuyết: thang điểm 10
- Thi thực hành tay nghề: làm thủ thuật- thang điểm 10
- Thiếu điểm hoặc không đạt điểm môn học nào thì thi lại môn học đó (chỉ thi lại môn đó ( chỉ thi lại một lần ).

\* 2 điểm thi này độc lập và tương đương nhau.

Đối với các chuyên đề: NCS phải trình bày trước tiêu ban chấm chuyên đề.

### 3.4. Đánh giá và Bảo vệ luận án

- Được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành chương trình học tập và đề cương ( bài luận ) đó được hội đồng đánh giá luận án thông qua.
- Mỗi nghiên cứu sinh có không quá 02 thầy hướng dẫn có trình độ và kinh nghiệm có học vị từ Tiến sĩ trở lên (sau khi nhận bằng tiến sĩ tròn 3 năm). Trường hợp có hai thầy cùng hướng dẫn, cơ sở đào tạo quy định rõ vai trò, trách nhiệm của người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính ) và người hướng dẫn thứ hai.

#### **Đánh giá luận án cấp cơ sở ( đơn vị chuyên môn )**

- Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu về lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó số thành viên ngoài cơ sở đào tạo có ít nhất hai nhà khoa học. Hội đồng gồm Chủ tịch, Tư ký, hai phản biện và các uỷ viên Hội đồng. Mỗi thành viên chỉ đảm nhiệm một chức trách trong Hội đồng
- Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên của Hội đồng đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

#### **Đánh giá luận án cấp trường hoặc viện**

- Hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện gồm 7 thành viên, bao gồm giáo sư, phó giáo sư, trong đó số thành viên thuộc cơ sở đào tạo không

quá 3 người. Thành viên hội đồng những nhà khoa học có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín chuyên môn, am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án, có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng 03 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 2 người, thành viên tiến sĩ phải sau khi nhận bằng đủ 36 tháng tính đến ngày thành lập Hội đồng.

- Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, ba người phản biện và các uỷ viên. Mỗi thành viên chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch hội đồng là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, không sinh hoạt cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

- Người hướng dẫn nghiên cứu sinh, người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện.

- Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên trong Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

**HIỆU TRƯỞNG**



HIỆU TRƯỞNG  
GS.TS. *Phạm Văn Chức*